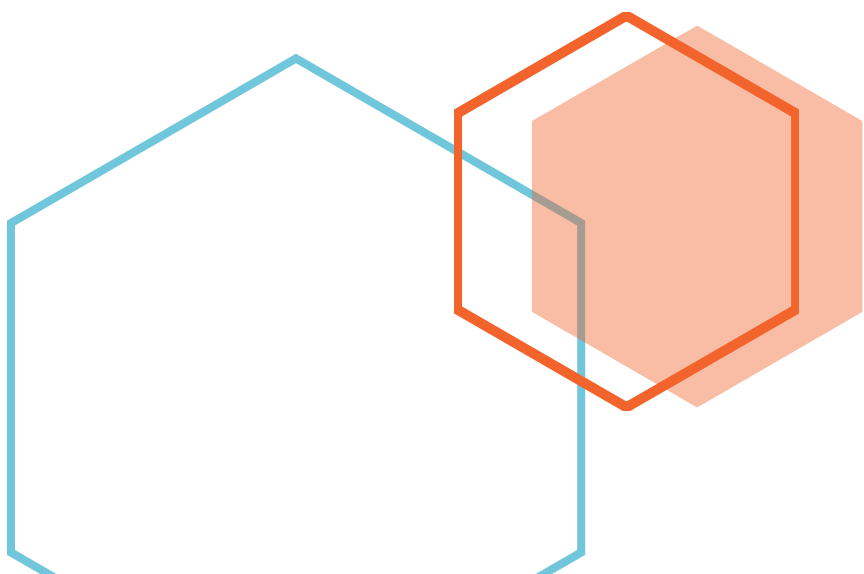




SỔ TAY HƯỚNG DẪN

XÂY DỰNG VÀ VẬN HÀNH LIÊN KẾT CHUỖI GIÁ TRỊ CÀ PHÊ CHẤT LƯỢNG CAO

Hướng dẫn các tác nhân tham gia nắm được mục tiêu, nội dung, các hoạt động cũng như vai trò, trách nhiệm và phương pháp triển khai, vận hành liên kết chuỗi giá trị cà phê chất lượng cao.



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

SỔ TAY HƯỚNG DẪN

XÂY DỰNG VÀ VẬN HÀNH LIÊN KẾT CHUỖI GIÁ TRỊ CÀ PHÊ CHẤT LƯỢNG CAO

Tài liệu này được xây dựng trong khuôn khổ Đề tài “Nghiên cứu xây dựng mô hình liên kết chuỗi giá trị trong sản xuất và thương mại cà phê Việt Nam chất lượng cao”, thuộc Dự án khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia “Cà phê Việt Nam chất lượng cao”

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	5
CÁC TỪ VIẾT TẮT	7
GIỚI THIỆU VỀ SỔ TAY	8
Mục tiêu của cuốn Sổ tay	8
Đối tượng sử dụng Sổ tay	8
Cấu trúc của cuốn Sổ tay	8
PHẦN 1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM, NGUYÊN TẮC CHUNG	9
Khái niệm về chuỗi giá trị	9
Liên kết chuỗi giá trị trong nông nghiệp	9
Các hình thức liên kết chuỗi giá trị nông sản	9
Các điều kiện đảm bảo liên kết chuỗi giá trị nông sản thành công	10
Cà phê chất lượng cao	11
PHẦN 2. XÂY DỰNG LIÊN KẾT CHUỖI GIÁ TRỊ CÀ PHÊ CHẤT LƯỢNG CAO	12
Bước 1: Hướng dẫn lựa chọn vùng và tác nhân để xây dựng liên kết chuỗi	12
Tiêu chí để lựa chọn vùng sản xuất cà phê và vườn cà phê	12
Tiêu chí lựa chọn tác nhân tham gia mô hình liên kết	12
Bước 2: Hướng dẫn xác định mục tiêu của mô hình liên kết	13
Mục tiêu chung	13
Mục tiêu cụ thể	14
Bước 3: Hướng dẫn lựa chọn các hình thức tổ chức liên kết	15
Các hình thức liên kết	15
Ưu nhược điểm của từng hình thức tổ chức liên kết:	16

Bước 4: Hướng dẫn xây dựng kế hoạch thực hiện mô hình liên kết	17
Vai trò, trách nhiệm của các bên tham gia mô hình liên kết	17
Hướng dẫn xây dựng cơ chế hợp tác	19
Xây dựng kế hoạch triển khai mô hình liên kết	20
PHẦN 3. VẬN HÀNH LIÊN KẾT CHUỖI GIÁ TRỊ CÀ PHÊ CHẤT LƯỢNG CAO	23
Triển khai các hoạt động xây dựng mô hình liên kết.....	23
Hoạt động 1: Hỗ trợ nông dân sản xuất cà phê chất lượng cao	23
Hoạt động 2: Tăng cường năng lực các tổ chức nông dân	25
Hoạt động 3: Hỗ trợ doanh nghiệp trong phát triển liên kết và chế biến, thương mại cà phê chất lượng cao	26
Hoạt động 4: Huy động chính quyền địa phương tham gia trong mô hình..	26
Giám sát quá trình thực hiện liên kết và đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng, bền vững trong chuỗi	26
Hỗ trợ thương mại hóa sản phẩm.....	28
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	29
PHẦN 4. PHỤ LỤC CÁC BIỂU MẪU SỬ DỤNG KHI XÂY DỰNG, VẬN HÀNH LIÊN KẾT CHUỖI GIÁ TRỊ CÀ PHÊ CHẤT LƯỢNG CAO	30
Phụ lục 1. Tiêu chí cà phê chất lượng cao	30
1a. Bộ tiêu chí Cà phê Việt Nam chất lượng cao cho cà phê nhân Robusta ...	30
1b. Bộ tiêu chí Cà phê Việt Nam chất lượng cao cho cà phê nhân Arabica....	36
Phụ lục 2. Tiêu chí lựa chọn vùng và tác nhân tham gia liên kết.....	42
Phụ lục 2a. Tiêu chí lựa chọn vùng	42
Phụ lục 2b. Tiêu chí lựa chọn hộ.....	44
Phụ lục 2c. Tiêu chí lựa chọn hợp tác xã, tổ hợp tác.....	46

Phụ lục 2d. Tiêu chí lựa chọn doanh nghiệp	47
Phụ lục 3. Các mẫu hợp đồng liên kết.....	49
Mẫu 1: Hợp đồng mua bán nông sản.....	49
Mẫu 2: Hợp đồng phát triển chuỗi giá trị (Hợp đồng sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm).....	53
Mẫu 3: Hợp đồng Đầu tư gắn với phát triển chuỗi giá trị (Hợp đồng đầu tư- sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm)	58
Phụ lục 4. Biểu mẫu kế hoạch triển khai thực hiện mô hình liên kết	65
Phụ lục 5. Mẫu khung báo cáo giám sát thực hiện mô hình.....	70

LỜI MỞ ĐẦU

Việt Nam là một trong những nước sản xuất cà phê lớn nhất thế giới và là nước đứng đầu thế giới về xuất khẩu cà phê nhân Robusta. Sản lượng xuất khẩu hàng năm đạt trên 1 triệu tấn, tương đương với kim ngạch xuất khẩu hàng năm từ 1,7 tỷ - 3,6 tỷ đô la Mỹ, đóng góp khoảng 20 - 25% trong tổng kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam. Cà phê nhân của Việt Nam đã xuất khẩu đến 80 quốc gia trên thế giới, chiếm 18% thị phần sản lượng cà phê nhân xuất khẩu thế giới. Bên cạnh những thành tựu trên, cà phê Việt Nam vẫn đang phải đối mặt với những thách thức như: dù xuất khẩu lượng cà phê nhân lớn thứ hai thế giới nhưng cà phê Việt Nam chỉ chiếm chưa tới 2% về giá trị xuất khẩu cà phê thế giới. Giá cà phê cùng loại của Việt Nam luôn thấp hơn đối thủ cạnh tranh trực tiếp là Indonesia. Ngoài ra, ngành cà phê Việt Nam cũng chưa khai thác được lợi thế, đặc tính vùng miền trong phát triển cà phê chất lượng cao, có hương vị đặc biệt đáp ứng nhu cầu của thị trường cao cấp. Đối với thị trường nội địa, chất lượng cà phê chế biến khó kiểm soát, chỉ một số rất ít doanh nghiệp xây dựng được thương hiệu, hình ảnh cà phê có uy tín trên thị trường trong khi một bộ phận lớn người tiêu dùng mất lòng tin vào chất lượng của cà phê rang xay trong nước sau những vụ việc cà phê “bẩn”, cà phê “giả”, cà phê “trộn pin” xuất hiện trong thời gian qua. Điều này đã gây ảnh hưởng rất lớn tới sự phát triển của ngành cà phê Việt Nam cũng như hoạt động sản xuất, kinh doanh và thu nhập của các tác nhân tham gia trong ngành.

Nguyên nhân của thực trạng trên là do cà phê Việt Nam hiện được sản xuất và tiêu thụ chủ yếu thông qua các chuỗi giá trị không liên kết hoặc liên kết lỏng lẻo. Doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu cà phê chủ yếu thu mua thông qua trung gian. Phân loại chất lượng cà phê phổ biến sử dụng phương pháp phân loại cũ dựa trên kích thước hạt và tỷ lệ hạt đen vỡ. Vì vậy, chưa tạo động lực cho nông dân cải thiện chất lượng cà phê, nhất là khâu thu hái, phơi, sơ chế, bảo quản, chế biến.

Để nâng cao chất lượng, giá trị cà phê và phát triển bền vững, đòi hỏi phải phát triển các chuỗi liên kết sản xuất – chế biến – thương mại sản phẩm chất lượng cao; đồng thời, phải xây dựng và phát triển thương hiệu cà phê chất lượng cao ở thị trường trong nước và quốc tế. Đây là nhiệm vụ trọng tâm của tái cơ cấu ngành

hàng cà phê nhằm nâng cao chất lượng cà phê, xây dựng thương hiệu và phát triển bền vững ngành trong bối cảnh hội nhập sâu rộng vào kinh tế quốc tế.

Nhằm góp phần giải quyết các vấn đề nêu trên đề tài “Nghiên cứu xây dựng mô hình liên kết chuỗi giá trị trong sản xuất và thương mại cà phê Việt Nam chất lượng cao” được thực hiện. Trong khuôn khổ của đề tài, Chúng tôi tiến hành xây dựng Sổ tay “*Hướng dẫn xây dựng và vận hành liên kết chuỗi giá trị cà phê chất lượng cao*” nhằm chia sẻ kết quả nghiên cứu và làm tài liệu tham khảo cho cá nhân, đơn vị trong thực hiện xây dựng và vận hành liên kết chuỗi giá trị nông sản nói chung và cà phê chất lượng cao nói riêng.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, song trong quá trình biên soạn không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Rất mong nhận được ý kiến góp ý của các cá nhân, đơn vị để lần tái bản sau đạt kết quả tốt hơn.

CÁC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Định nghĩa
BVTV	Bảo vệ thực vật
DVNN	Dịch vụ nông nghiệp
HTX	Hợp tác xã
MTV	Một thành viên
PTNT	Phát triển nông thôn
TCND	Tổ chức nông dân
THT	Tổ hợp tác
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
XNK	Xuất nhập khẩu

Mục tiêu của cuốn Sổ tay

Cuốn Sổ tay được xây dựng nhằm cung cấp tài liệu hướng dẫn các hộ gia đình, hợp tác xã (HTX), tổ nhóm nông dân, doanh nghiệp, chính quyền địa phương và đơn vị khác nắm được mục tiêu, nội dung, hoạt động cũng như vai trò, trách nhiệm và cách triển khai, vận hành liên kết chuỗi giá trị cà phê chất lượng cao.

Đối tượng sử dụng Sổ tay

Doanh nghiệp, HTX/tổ nhóm nông dân, hộ gia đình và cá nhân thực hiện các hoạt động sản xuất – chế biến – thương mại nông sản trong chuỗi nói chung và chuỗi cà phê chất lượng cao nói riêng;

Chính quyền địa phương, cán bộ phụ trách các vấn đề liên kết chuỗi giá trị nông sản;

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan/quan tâm đến liên kết chuỗi giá trị nông sản.

Cấu trúc của cuốn Sổ tay

Phần 1: Một số khái niệm, nguyên tắc chung trong liên kết chuỗi giá trị

Phần 2: Hướng dẫn xây dựng liên kết chuỗi giá trị cà phê chất lượng cao

Phần 3: Hướng dẫn vận hành liên kết chuỗi giá trị cà phê chất lượng cao

Phần 4: Phụ lục các biểu mẫu sử dụng trong xây dựng, vận hành liên kết chuỗi giá trị cà phê chất lượng cao

PHẦN 1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM, NGUYÊN TẮC CHUNG

Khái niệm về chuỗi giá trị

Trong cuốn Sổ tay này chuỗi giá trị nông sản được hiểu là “bao gồm tập hợp các tác nhân và hoạt động đưa một sản phẩm nông sản từ sản xuất đến người tiêu dùng cuối cùng, theo đó, giá trị của sản phẩm được gia tăng trong mỗi khâu trung gian. Một chuỗi giá trị có thể là một liên kết dọc hay một mạng lưới các tác nhân độc lập với nhau trong các khâu chế biến, đóng gói, bảo quản, vận chuyển, và phân phối” (FAO, 2001).

Liên kết chuỗi giá trị trong nông nghiệp

Liên kết chuỗi giá trị là sự hợp tác, phối hợp giữa các tác nhân tham gia vào một chuỗi giá trị trên cơ sở tự nguyện nhằm thúc đẩy sản xuất – kinh doanh. Trong lĩnh vực nông nghiệp, liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp là hình thức liên kết trong sản xuất nông nghiệp theo chuỗi từ cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, sản xuất, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (Điều 3, Nghị định 98/2018/NĐ-CP).

Các hình thức liên kết chuỗi giá trị nông sản

(1) Liên kết ngang: liên kết giữa các tác nhân trong cùng một khâu của chuỗi giá trị như: liên kết giữa các hộ nông dân với nhau để hình thành HTX/tổ nhóm nông dân, liên kết giữa các HTX để hình thành liên minh HTX hay giữa các doanh nghiệp để thành liên danh. Các liên kết này được thực hiện với mục tiêu: tăng quy mô để cùng thực hiện các hoạt động sản xuất từ đó giảm được chi phí, nâng cao được tính thống nhất của sản phẩm, nâng cao hiệu quả và tính cạnh tranh.

(2) Liên kết dọc: liên kết giữa các tác nhân trong các khâu khác nhau của chuỗi. Có 3 hình thức cơ bản của liên kết dọc trong chuỗi giá trị nông sản:

Liên kết ở mức thấp: Là liên kết giữa người sản xuất (nông dân, tổ chức nông dân (TCND)) – nhà chế biến – nhà bán lẻ dưới dạng quan hệ thời điểm, không có hợp đồng sản xuất tiêu thụ, chủ yếu là mua đứt bán đoạn.

Sản xuất theo hợp đồng: là thỏa thuận giữa những người nông dân với các doanh nghiệp chế biến hoặc doanh nghiệp kinh doanh trong việc sản xuất và cung cấp các sản phẩm nông nghiệp dựa trên thỏa thuận giao hàng trong tương lai và giá cả được định trước (Eaton và Shepherd, 2001). Trong hình thức này người mua có thể cung cấp đầu vào, quy trình sản xuất và hỗ trợ kỹ thuật để người sản xuất đáp ứng được những tiêu chuẩn sản phẩm của người mua.

Hợp nhất từ sản xuất-chế biến-tiêu thụ: là một chuỗi tất cả các hoạt động từ sản xuất đến chế biến và bán lẻ sản phẩm trong phạm vi của một doanh nghiệp, tập đoàn hay một HTX. Sản phẩm được kiểm soát chặt chẽ, chủ động được thị trường đầu ra và thu được toàn bộ lợi nhuận ở tất cả các công đoạn.

Các điều kiện đảm bảo liên kết chuỗi giá trị nông sản thành công

Sáu điều kiện cơ bản để việc thực hiện liên kết thành công (GIZ, 2013):

- **Lòng tin**: đây là nền tảng cho sự thành công của liên kết. Một mối quan hệ tin cậy là nền tảng cho sự thành công và lòng tin đó được xây dựng dựa trên các mối quan hệ tốt đẹp và sự bình đẳng trong đàm phán hợp đồng và giải quyết xung đột;
- **Tính khả thi về mặt kinh tế và các khuyến khích**: liên kết sản xuất theo hợp đồng chỉ có thể thực hiện được và bền vững nếu nông dân và doanh nghiệp đều nhận ra lợi ích-chi phí và các lợi nhuận/thưởng kèm theo giúp khuyến khích cả hai bên thực hiện các cam kết. Nói cách khác, đây là phần thưởng cho sự tuân thủ các cam kết.
- **Hợp đồng liên kết và rủi ro**: quá trình thực hiện hợp đồng chắc chắn sẽ có những rủi ro nhất định đòi hỏi có chia sẻ và giảm thiểu rủi ro của các bên liên kết theo khả năng tương đối khác nhau của các bên;
- **Công nghệ và sự đổi mới**: thông qua các công nghệ và đổi mới thích hợp có thể nâng cao năng suất và hiệu quả của chuỗi cao hơn;
- **Môi trường đầu tư và hỗ trợ của bên thứ ba**: các giải pháp, chính sách thúc đẩy, quy định hành chính, và cơ sở hạ tầng là yếu tố quyết định cho việc thực hiện và thành công của liên kết;

- **Phân tích thị trường và lập kế hoạch:** đây là điều kiện tiên quyết cho sự thành công đòi hỏi xây dựng và thực hiện liên kết sản xuất theo hợp đồng phải thích ứng với cơ hội thị trường, tính năng sản phẩm, năng lực của nông dân và doanh nghiệp.

Cà phê chất lượng cao

Cà phê Việt Nam chất lượng cao là cà phê được sản xuất, chế biến, thương mại với mục tiêu góp phần nâng cao chất lượng, cải thiện vị thế, giá trị và hình ảnh của ngành cà phê Việt Nam trong chuỗi cung ứng cà phê toàn cầu, góp phần hướng đến ngành cà phê Việt Nam bền vững kinh tế, xã hội và môi trường.

Sản phẩm cà phê chất lượng cao được công nhận khi thỏa mãn các điều kiện trong Bộ tiêu chí Cà phê Việt Nam chất lượng cao¹ gồm: các tiêu chí quy định về điều kiện sản xuất, chế biến, bảo quản, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc đến sự tuân thủ pháp luật, trách nhiệm xã hội, tính bền vững trong sản xuất của doanh nghiệp.

Trong khuôn khổ của Cuốn sổ tay, sản phẩm cà phê chất lượng cao để thực hiện liên kết là sản phẩm cà phê nhân.

(Chi tiết về Bộ tiêu chí cà phê chất lượng cao cho cà phê nhân tại Phụ lục 1)

¹ Quyết định 137/QĐ-HHCPCC ngày 29/11/2022 của Hiệp hội Cà phê cao Việt Nam ban hành Bộ tiêu chí cà phê Việt Nam chất lượng cao cho sản phẩm cà phê nhân, cà phê rang, cà phê bột

PHẦN 2. XÂY DỰNG LIÊN KẾT CHUỖI GIÁ TRỊ CÀ PHÊ CHẤT LƯỢNG CAO

Bước 1: Hướng dẫn lựa chọn vùng và tác nhân để xây dựng liên kết chuỗi

Bước đầu tiên trong xây dựng liên kết chuỗi giá trị cà phê chất lượng cao là việc đánh giá, lựa chọn vùng, tác nhân tham gia. Việc lựa chọn này dựa trên thực trạng sản xuất, chế biến, thương mại, đặc biệt là tiềm năng phát triển cà phê chất lượng cao của mỗi vùng và các tác nhân và được thể hiện qua các tiêu chí sau:

Tiêu chí để lựa chọn vùng sản xuất cà phê và vườn cà phê

- **Vùng sản xuất:** phải nằm trong vùng quy hoạch phát triển sản xuất cà phê, có điều kiện về khí hậu, thổ nhưỡng, địa hình, nguồn nước, vị trí địa lý, cơ sở hạ tầng thuận lợi để phát triển cà phê chất lượng cao. Ưu tiên lựa chọn các vùng được chính quyền địa phương, các chương trình dự án đã lựa chọn để thúc đẩy phát triển sản xuất cà phê.
- **Diện tích:** lựa chọn các vùng trồng tập trung, liền canh, quy mô đủ lớn để phát triển sản xuất, đáp ứng yêu cầu về sản lượng cho nhà rang xay, chế biến và thuận tiện cho áp dụng quy trình sản xuất cà phê chất lượng cao.
- **Vườn trồng:** vườn chuyên canh, có vị trí thuận lợi cho chăm sóc, bảo vệ.
- **Năng suất:** đảm bảo năng suất cà phê của vùng được lựa chọn ổn định, đạt mức khá trở lên so với một số khu vực, địa bàn khác.
- **Chất lượng hạt:** được đánh giá là tốt, ổn định, đã có danh tiếng hoặc có tiềm năng phát triển cà phê chất lượng cao.
- **Các quy trình** chăm sóc, thu hoạch và tiêu chuẩn chất lượng đã, đang áp dụng: ưu tiên lựa chọn các vùng có kinh nghiệm sản xuất theo tiêu chuẩn chất lượng, tiêu chuẩn chứng nhận.

(Chi tiết các tiêu chí lựa chọn vùng và tác nhân tại Phụ lục 2a)

Tiêu chí lựa chọn tác nhân tham gia mô hình liên kết

- **Hộ sản xuất:** nằm trong vùng được lựa chọn; có mong muốn, cam kết tham gia mô hình; có kinh nghiệm hoặc khả năng tham gia, tuân thủ, áp dụng các quy trình sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng của sản xuất cà phê chất lượng cao.

- **TCND gồm HTX, tổ hợp tác (THT), Nhóm nông hộ:** ưu tiên lựa chọn vùng có các tổ chức nông dân, ưu tiên lựa chọn các tổ chức nông dân có kinh nghiệm và mong muốn tham gia liên kết, sản xuất cà phê chất lượng cao.
- **Doanh nghiệp:** đây là tác nhân đóng vai trò quan trọng, dẫn dắt các khâu khác trong chuỗi giá trị. Do vậy, doanh nghiệp khi tham gia mô hình liên kết ngoài mong muốn cần đáp ứng các tiêu chí:
 - o Có quy mô sản xuất tương đối lớn để đảm bảo thu mua, chế biến hết sản lượng của vùng sản xuất được lựa chọn ở trên;
 - o Có trang thiết bị, công nghệ, hoặc có tiềm năng đầu tư trang thiết bị, công nghệ để sản xuất, chế biến cà phê chất lượng cao;
 - o Có hệ thống phân phối hoặc đang có kế hoạch xây dựng hệ thống phân phối cà phê;
 - o Ưu tiên các doanh nghiệp có kinh nghiệm sản xuất, chế biến, thương mại, đặc biệt kinh nghiệm liên kết với các TCND, sản xuất theo quy trình chứng nhận, tiêu chuẩn chất lượng.

(Chi tiết các tiêu chí lựa chọn vùng và tác nhân tại Phụ lục 2b, 2c, 2d)

Bước 2: Hướng dẫn xác định mục tiêu của mô hình liên kết

Để xác định mục tiêu của mô hình liên kết cần phân tích chuỗi, phân tích đặc điểm, nhu cầu, mong muốn của từng tác nhân trong chuỗi cũng như các điểm ách tắc, cản trở cho sự phát triển của chuỗi. Từ đó, xác định mục tiêu chung cho mô hình liên kết, mục tiêu cụ thể cho từng tác nhân tham gia liên kết.

Mục tiêu chung

Là mục tiêu mà cả chuỗi liên kết cần hướng đến. Đối với mô hình liên kết chuỗi giá trị cà phê chất lượng cao mục tiêu chung là: “Xây dựng và thực hiện liên kết sản xuất và thương mại cà phê chất lượng cao nhằm nâng cao thu nhập cho người sản xuất và các tác nhân khác trong chuỗi liên kết, đảm bảo chuỗi liên kết phát triển bền vững và nâng cao giá trị gia tăng cho ngành hàng”.

Mục tiêu cụ thể

Căn cứ trên các phân tích về đặc điểm, nhu cầu và các điểm cần can thiệp, cải thiện của từng tác nhân trong chuỗi giá trị để đưa ra các mục tiêu cụ thể cho phù hợp. Trong hoạt động xây dựng mô hình liên kết cà phê chất lượng cao, mục tiêu cụ thể cho từng tác nhân là:

a. Đối với hộ nông dân

- Hiểu biết và có thể áp dụng các kỹ thuật sản xuất, sơ chế, chế biến cà phê chất lượng cao.
- Nâng cao tỷ lệ sản phẩm cà phê có chất lượng cao trong cơ cấu sản phẩm.
- Tham gia được vào chuỗi liên kết bền vững, giá trị cao nhằm nâng cao thu nhập từ cà phê, giảm thiểu rủi ro thị trường.

b. Đối với tổ chức nông dân

- Thiết lập được cơ chế vận hành của TCND trong sản xuất, sơ chế, chế biến và thương mại sản phẩm (tổ chức sản xuất, chia sẻ kiến thức, giám sát chất lượng).
- Thể hiện được vai trò đại diện cho các thành viên TCND trong các hoạt động đàm phán, ký kết hợp đồng với doanh nghiệp.
- Tổ chức, giám sát được hoạt động sản xuất và chế biến cà phê chất lượng cao của các hộ thành viên.

c. Đối với cộng đồng

- Hình thành được ý thức sản xuất cà phê chất lượng cao trong cộng đồng.
- Tạo dựng được uy tín, danh tiếng cho cộng đồng về sản xuất cà phê sạch, cà phê chất lượng cao.

d. Đối với chính quyền địa phương

- Nâng cao vai trò của địa phương trong việc tạo điều kiện và thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp và hộ nông dân sản xuất cà phê.
- Tăng cường vai trò giám sát của chính quyền địa phương trong sản xuất, sơ chế, chế biến cà phê.

e. Đối với doanh nghiệp

- Hình thành và củng cố được vùng nguyên liệu cà phê có chất lượng cao và ổn định cho doanh nghiệp chế biến.
- Nâng cao chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp, từ đó nâng cao giá trị sản phẩm, mở rộng khả năng thâm nhập thị trường mới, cải thiện vị thế của doanh nghiệp trên thị trường và cuối cùng là hướng đến nâng cao lợi nhuận, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Bước 3: Hướng dẫn lựa chọn các hình thức tổ chức liên kết

Các hình thức liên kết

Các hình thức tổ chức liên kết trong thực tế được tổng quát hóa qua 5 dạng²: (i) Hình thức tập trung trực tiếp; (ii) Hình thức hạt nhân trung tâm; (iii) Hình thức đa chủ thể; (iv) Hình thức phi chính thức; (v) Hình thức trung gian.

Bảng 1. Đặc điểm của các hình thức tổ chức liên kết

	Đặc điểm
Hình thức phi chính thức (<i>Phổ biến tại các vùng trồng cà phê của Việt Nam</i>)	<ul style="list-style-type: none">- Thực hiện bởi các doanh nghiệp nhỏ hay hộ kinh doanh cá thể liên kết trực tiếp với nông dân.- Liên kết theo nhu cầu và thời điểm.- Có thể có hoặc không có hợp đồng, không có chi tiết về quy chuẩn sản phẩm hay hỗ trợ về đầu vào hay dịch vụ đi kèm.
Hình thức trung gian (<i>đang dần trở nên phổ biến</i>)	<ul style="list-style-type: none">- Có cung ứng vật tư đầu vào thông qua tổ nhóm sản xuất hay HTX sản xuất- Thường không có quy chuẩn sản phẩm.
Hình thức đa chủ thể (<i>khép kín</i>)	<ul style="list-style-type: none">- Người mua hợp đồng với nông dân và các nhóm nông dân;- Hỗ trợ kỹ thuật, đầu vào, tín dụng, và quản lý người trồng thông qua bên thứ ba;- Quy chuẩn sản phẩm rõ ràng và được giám sát chặt chẽ đảm bảo chất lượng sản phẩm.
Hình thức hạt nhân trung tâm	<ul style="list-style-type: none">- Người mua thu mua sản phẩm và chế biến thông qua hợp đồng trực tiếp với người sản xuất;- Người mua thường sở hữu/kiểm soát đất đai và nông dân chỉ cung ứng lao động;- Người mua hỗ trợ kỹ thuật/đầu vào/tín dụng;- Người mua theo dõi và giám sát chặt chẽ.
Hình thức tập trung trực tiếp	<ul style="list-style-type: none">- Người mua cung cấp hỗ trợ kỹ thuật/đầu vào trực tiếp, thu mua, hỗ trợ nhiều hoạt động sau thu hoạch;- Nông dân cung cấp đất đai và lao động;- Quy chuẩn sản phẩm được quy định nghiêm ngặt và được giám sát bởi nhân viên kỹ thuật- Thường liên quan đến chế biến

² Eaton, Charles và Andrew W. Shepherd, 2001

Ưu nhược điểm của từng hình thức tổ chức liên kết³:

Bảng 2. Ưu, nhược điểm của từng hình thức tổ chức liên kết

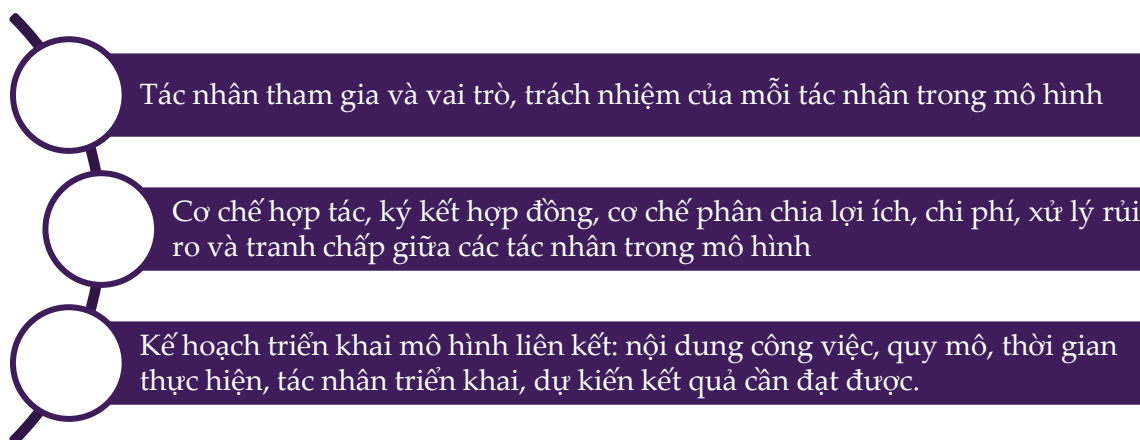
	Ưu điểm	Nhược điểm
Hình thức phi chính thức	<ul style="list-style-type: none"> - Ít hoặc không có chi phí đầu tư của doanh nghiệp (đầu vào, kỹ thuật, hay tài chính); - Chi phí hoạt động thấp; - Mức độ linh hoạt về nguồn cung cao. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hạn chế kiểm soát trong sản xuất (sản phẩm, giống, chất lượng, và cả chất lượng sản phẩm đầu ra); - Nguy cơ liên kết bị phá vỡ cao; - Cạnh tranh mạnh mẽ với người mua khác.
Hình thức trung gian	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm rủi ro và có thể quản lý hiệu quả hơn - Tối thiểu chi phí đầu tư của doanh nghiệp đầu tư vào đầu vào, kỹ thuật, và hỗ trợ tài chính; - Cải tiến không đáng kể chuỗi cung ứng; - Chi phí cho các đối tác thay thế thấp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Khó tìm người mua; - Kiểm soát sản xuất kém về cả sản lượng và chất lượng sản phẩm.
Hình thức đa phương (khép kín)	<ul style="list-style-type: none"> - Hạn chế chi phí đầu tiên cho doanh nghiệp do chia sẻ vốn đầu tư giữa các bên; - Giảm rủi ro do phân bổ địa lý của người sản xuất. 	<ul style="list-style-type: none"> - Rủi ro người sản xuất bán sản phẩm cho người mua khác cao hơn; - Chi phí vận chuyển cao
Hình thức hạt nhân	<ul style="list-style-type: none"> - Cho phép kiểm soát sản xuất ở mức cao về chất lượng và sản lượng; - Sự tương tác thường xuyên giữa người mua và người bán giúp giảm thiểu việc người bán bán hàng cho một người mua khác. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí đầu tư của doanh nghiệp cho việc hỗ trợ các hoạt động trước và sau thu hoạch, và cơ sở hạ tầng có liên quan đến sản xuất.
Hình thức tập trung	<ul style="list-style-type: none"> - Mức độ kiểm soát chuỗi cung ứng rất cao; - Đơn giản hóa việc hỗ trợ kỹ thuật, đầu vào, và khuyến nông; - Giảm rủi ro của việc phá vỡ hợp đồng giữa các bên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đòi hỏi chi phí đầu tư của doanh nghiệp lớn (đất đai, lao động) trong sản xuất; - Các rủi ro có liên quan đến cây trồng cao hơn; - Tính linh hoạt kém trong việc lựa chọn người sản xuất

³ *Technoserve and IFAD, 2011*

Tùy vào đặc điểm của từng chuỗi để tiến hành lựa chọn hình thức tổ chức liên kết phù hợp. Trong thực tiễn triển khai mô hình liên kết cà phê chất lượng cao, dựa trên phân tích đặc điểm các tác nhân, thực trạng liên kết của các mô hình đã lựa chọn hình thức đa phương (khép kín): Doanh nghiệp đóng vai trò dẫn dắt chuỗi, tham gia thu mua cà phê thông qua hợp đồng với nông dân hoặc TCND; Hỗ trợ kỹ thuật, một phần vật tư đầu vào, quản lý người trồng thông qua HTX/TCND; Thống nhất quy chuẩn cà phê và giám sát chặt chẽ đảm bảo chất lượng sản phẩm.

Bước 4: Hướng dẫn xây dựng kế hoạch thực hiện mô hình liên kết

Kế hoạch thực hiện mô hình liên kết bao gồm:



Trong mô hình liên kết cà phê chất lượng cao, các nội dung trên được xác định như sau:

Vai trò, trách nhiệm của các bên tham gia mô hình liên kết

a. Hộ sản xuất

– Vai trò, trách nhiệm:

- Đăng ký tham gia mô hình trên tinh thần tự nguyện.
- Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, đào tạo và tuân thủ và thực hiện nghiêm chỉnh các qui trình kỹ thuật đã được tập huấn nhằm đảm bảo nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm cà phê theo tiêu chuẩn cà phê chất lượng cao.

- Ký kết và thực hiện hợp đồng liên kết tiêu thụ đầu ra với doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm của mô hình thông qua đại diện nhóm nông hộ hoặc HTX/tổ nhóm nông dân.
- Quyền lợi:
 - Được tham gia tập huấn kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hái, sơ chế, bảo quản để nâng cao chất lượng cà phê.
 - Được hỗ trợ một phần vật tư đầu vào (phân bón vi sinh) cho sản xuất cà phê chất lượng cao.
 - Được đảm bảo đầu ra của sản phẩm đạt chất lượng cà phê chất lượng cao, được nhận cơ chế thưởng khi sản phẩm đạt chất lượng. Được thông tin về giá cả, thị trường công khai, minh bạch.
 - Được ưu tiên trong các chính sách hỗ trợ của nhà nước về vay vốn, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ sản xuất.
- b. Tổ chức nông dân (HTX/THT, nhóm nông dân)*
 - Vai trò, trách nhiệm:
 - Phối hợp với các bên tổ chức các hoạt động tăng cường năng lực cho các hộ sản xuất.
 - Tổ chức hướng dẫn, giám sát các hộ dân tham gia mô hình sản xuất cà phê theo tiêu chuẩn, kỹ thuật đã được tập huấn, hướng dẫn.
 - Đóng vai trò trung gian giữa doanh nghiệp và hộ nông dân trong ký kết hợp đồng hợp tác sản xuất và thu mua cà phê. Hoặc HTX/nhóm nông dân tổ chức hoạt động bán chung cho sản phẩm cà phê Việt Nam chất lượng cao. Đảm bảo các hộ thành viên tham gia bán đủ sản lượng, chất lượng cam kết cho doanh nghiệp bao tiêu.
 - Quyền lợi:
 - Được tập huấn, nâng cao năng lực về quản lý, quản trị điều hành HTX.
 - Được tham gia các khóa đào tạo về kỹ thuật sơ chế, chế biến, bảo quản cà phê.
 - Được hỗ trợ kết nối với doanh nghiệp, thị trường.

c. Doanh nghiệp

– Vai trò, trách nhiệm

- Phối hợp với các bên trong việc lựa chọn hộ dân tham gia mô hình và tăng cường năng lực cho hộ dân, HTX.
- Tổ chức hướng dẫn, giám sát các hộ dân tham gia mô hình sản xuất cà phê theo tiêu chuẩn, kỹ thuật đã được hướng dẫn.
- Thu mua sản phẩm cà phê đạt tiêu chuẩn của hộ dân tham gia mô hình.
- Ưu tiên hỗ trợ vốn và các vật tư đầu vào cho người sản xuất.
- Sản xuất cà phê chất lượng cao với thương hiệu “Cà phê Việt Nam chất lượng cao”.

– Quyền lợi

- Có vùng nguyên liệu ổn định, đảm bảo chất lượng.
- Được hỗ trợ, tăng cường năng lực về sơ chế, rang xay, chế biến, thử nếm cà phê.
- Được hỗ trợ các hoạt động xúc tiến thương mại, tiếp cận thị trường: hỗ trợ xây dựng hồ sơ đăng ký sử dụng nhãn hiệu chứng nhận cà phê Việt Nam chất lượng cao; hỗ trợ các hoạt động quảng bá, giới thiệu sản phẩm, tham gia các lễ hội/hội chợ cà phê.

d. Cơ quan/đơn vị hỗ trợ mô hình, chính quyền địa phương

- Hỗ trợ HTX, doanh nghiệp, hộ sản xuất và các bên liên quan xây dựng và triển khai dự án trên địa bàn.
- Kiểm tra, giám sát quá trình ký kết, thực hiện hợp đồng giữa các bên. Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các bên thực hiện đúng nghĩa vụ và quyền lợi của mình theo hợp đồng đã ký.
- Tham gia giải quyết các trường hợp vi phạm hợp đồng trong quá trình thực hiện mô hình.

Hướng dẫn xây dựng cơ chế hợp tác

Cơ chế hợp tác được thực hiện theo nguyên tắc bình đẳng, dân chủ và tuân thủ đúng pháp luật. Các bên tham gia cùng có lợi, cùng chia sẻ rủi ro và nâng cao chất lượng sản phẩm, hiệu quả sản xuất.

Cơ chế hợp tác được thể hiện bằng các hợp đồng liên kết. Trong thực tế có thể chia làm 06 loại hình hợp đồng liên kết: (i) Hợp đồng sản xuất và mua bán cà phê; (ii) Hợp đồng sản xuất, đầu tư và mua bán cà phê; (iii) Hợp đồng sản xuất gia công cà phê; (iv) Hợp đồng hợp tác hoặc liên doanh sản xuất và phân chia sản phẩm cà phê; (v) Hợp đồng sản xuất cà phê và nông dân tham gia cổ phần doanh nghiệp; (vi) Hợp đồng ký gửi cà phê chốt giá sau; Mỗi loại hợp đồng phù hợp với một điều kiện, tình hình cụ thể, tuy vậy, trong mỗi hợp đồng đều có các điều khoản quy định về trách nhiệm, quyền lợi, cơ chế liên kết giữa các tác nhân. Một số nội dung cần quan tâm khi xây dựng hợp đồng:

- **Về sản phẩm:** sản phẩm là cơ sở đầu tiên để hình thành Hợp đồng, do vậy cần xác định rõ loại sản phẩm; tiêu chuẩn sản phẩm (*chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, độ ẩm, tỉ lệ vôi, trọng lượng tối thiểu, tối đa...*); quy cách sản phẩm; yêu cầu về giống, về kỹ thuật áp dụng.
- **Về phương thức vận chuyển, thời gian địa điểm giao nhận:** cần ghi rõ về phương thức vận chuyển và thời gian, địa điểm giao dịch để đảm bảo sự tuân thủ và phù hợp với đặc điểm thương mại của sản phẩm.
- **Giá và phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán:** giá bán sản phẩm cần được cụ thể theo loại sản phẩm gắn với tiêu chuẩn chất lượng, cùng với đó là phương thức và thời hạn thanh toán kèm theo.
- **Các điều khoản về xử lý vi phạm, rủi ro, tranh chấp** khi thực hiện để đảm bảo các bên tham gia có quyền lợi và trách nhiệm với các nội dung hợp tác.

(Các mẫu hợp đồng khác tham khảo tại Phụ lục 3)

Xây dựng kế hoạch triển khai mô hình liên kết

Kế hoạch triển khai xây dựng mô hình liên kết bao gồm: Nội dung hoạt động; Quy mô; Thời gian; Tác nhân tham gia; Kết quả dự kiến. Một số nội dung chính trong kế hoạch triển khai mô hình liên kết gồm:

a. Kế hoạch đối với người sản xuất

Bảng 3. Kế hoạch liên kết đối với người sản xuất

#	Hoạt động	Thời gian thực hiện	Thành phần tham gia
1	Xây dựng kế hoạch hoạt động với hộ, chính quyền địa phương và xây dựng kế hoạch liên kết	Tháng ...năm...	Hộ nông dân Ban quản trị HTX Cán bộ địa phương
2	Tổ chức tập huấn đào tạo về kỹ thuật sản xuất, thu hái, sơ chế, bảo quản để nâng cao chất lượng cà phê	Tháng ...năm...	Doanh nghiệp Đơn vị cung cấp dịch vụ tập huấn
3	Lựa chọn phân bón, mua và phát phân bón	Tháng ...năm...	Hộ nông dân Đại diện TCND/ Ban quản trị HTX Cơ quan nhà nước Công ty phân bón
4	Hướng dẫn, giám sát hộ trồng cà phê trong mô hình áp dụng kỹ thuật được tập huấn	Trong suốt mùa vụ cà phê	TCND/HTX và các hộ dân được lựa chọn Doanh nghiệp Đơn vị cung cấp dịch vụ tập huấn kỹ thuật.

b. Kế hoạch đối với tổ chức nông dân

Bảng 4. Kế hoạch liên kết đối với tổ chức nông dân

#	Hoạt động	Thời gian thực hiện	Thành phần tham gia
1	Tư vấn, hỗ trợ HTX/tổ nhóm nông dân mô hình tổ chức sản xuất; hệ thống giám sát chất lượng, quy cách sản phẩm cho HTX/tổ nhóm nông dân	Trong suốt mùa vụ cà phê	HTX/TCND Doanh nghiệp Cơ quan nhà nước Chuyên gia tư vấn
2	Nâng cao năng lực quản lý và tiếp cận thị trường	Tháng ...năm...	
3	Nâng cao năng lực rang xay, chế biến cà phê	Tháng ...năm...	HTX/TCND Chuyên gia tư vấn
4	Xây dựng hợp đồng và tổ chức ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm giữa doanh nghiệp với HTX/TCND	Tháng ...năm...	HTX/TCND và hộ dân được lựa chọn Doanh nghiệp

c. Kế hoạch triển khai liên kết đối với doanh nghiệp

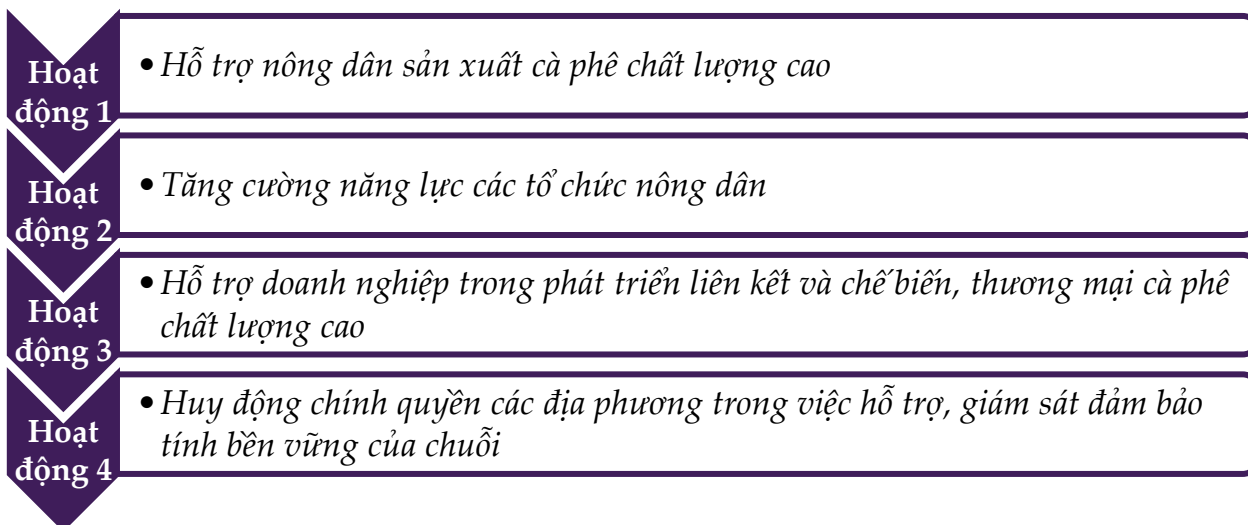
Bảng 5. Kế hoạch liên kết đối với doanh nghiệp

#	Hoạt động	Thời gian thực hiện	Thành phần tham gia
1	Tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp nâng cao chất lượng cà phê nhân/rang xay và tiến hành hoạt động giám sát chất lượng sản phẩm	Tháng ...năm...	Doanh nghiệp; Cơ quan nhà nước; Chuyên gia tư vấn
2	Xây dựng hợp đồng và tổ chức ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm giữa doanh nghiệp với HTX/TCND	Tháng ...năm...	HTX/TCND và hộ dân được lựa chọn; Doanh nghiệp; nhà nước
3	Hỗ trợ giám sát thực hiện hợp đồng tiêu thụ sản phẩm giữa doanh nghiệp với HTX/TCND và nông dân	Tháng ...năm...	HTX/TCND và hộ dân được lựa chọn; Doanh nghiệp; Cơ quan nhà nước; Chuyên gia tư vấn
4	Hỗ trợ doanh nghiệp trong các hoạt động xúc tiến thương mại	Tháng ...năm...	Doanh nghiệp; Cơ quan nhà nước; Chuyên gia tư vấn

(Cụ thể mẫu kế hoạch triển khai mô hình liên kết tham khảo tại Phụ lục 4).

PHẦN 3. VẬN HÀNH LIÊN KẾT CHUỖI GIÁ TRỊ CÀ PHÊ CHẤT LƯỢNG CAO

Triển khai các hoạt động xây dựng mô hình liên kết



Hoạt động 1: Hỗ trợ nông dân sản xuất cà phê chất lượng cao

- Xây dựng các tài liệu tập huấn về kỹ thuật sản xuất (kỹ thuật trồng mới, tái canh; kỹ thuật bón phân; kỹ thuật tạo hình, tỉa cành; kỹ thuật tưới nước; kỹ thuật phòng trừ sâu bệnh), thu hái, sơ chế, bảo quản để hướng dẫn nông dân thực hành sản xuất, sản phẩm cà phê sản xuất ra đáp ứng các tiêu chuẩn cà phê chất lượng cao.
- Tiến hành tập huấn, hướng dẫn nông dân về kỹ thuật sản xuất, thu hái, sơ chế, bảo quản theo bộ tài liệu đã được xây dựng.
- Hỗ trợ một số vật liệu cần thiết cho các hộ nông dân để sản xuất theo đúng hướng dẫn.
- Phối hợp, giám sát các hộ trồng cà phê trong mô hình áp dụng kỹ thuật được tập huấn vào sản xuất để sản phẩm sản xuất ra đáp ứng các tiêu chuẩn cà phê chất lượng cao.
- Hộ nông dân phải tuân thủ tất cả các tiêu chí bắt buộc theo tiêu chí cà phê chất lượng cao như:
 - Nguồn gốc cà phê, giống cà phê (sử dụng giống được cơ quan chức năng Việt Nam công nhận)
 - Thu hái cà phê đạt từ 90% quả chín (đôi với chế biến ướt), từ 80% quả chín (với chế biến khô); tỉ lệ quả khô, quả chùm, quả xanh nhỏ hơn 9% (với chế biến

ướt), nhỏ hơn 15% (với chế biến khô); tỉ lệ quả lép dưới 3% (với chế biến ướt), dưới 5% (với chế biến khô); tỉ lệ tạp chất và quả xanh non dưới 1% (với chế biến ướt), dưới 2% (với chế biến khô) và tỉ lệ quả thối, mốc dưới 1%.

- Lưu trữ: Cà phê thu hái theo quy trình này phải được để tại khu vực riêng biệt, có đánh dấu, đặc điểm nhận dạng dễ dàng, tránh chồng lấn với các khu vực khác.
 - Lưu trữ hồ sơ: Ghi chép và lưu giữ tài liệu, hồ sơ, thông tin về sản xuất cà phê trong thời gian 1 năm.
 - Đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng tối thiểu cho cà phê nhân:
 - (i) Đối với cà phê robusta là: Tối đa 0,5% lỗi như nhân đen, mảnh vỡ của nhân, quả tươi và nhân mốc (tính theo khối lượng) và tối đa 0,2% tạp chất như cục đá, mẫu cành cây, đất và vỏ quả khô (tính theo khối lượng) và tối thiểu 90% trên sàng 15 và tối thiểu 96% trên sàng 13 (tính trên 300 gram) – Hạng P; Tối đa 3,0% lỗi (tính theo khối lượng) và tối đa 0,5% tạp chất (tính theo khối lượng) và tối thiểu 90% trên sàng 14 và tối thiểu 96% trên sàng 12 (tính trên 300 gram) – Hạng 1;
 - (ii) Đối với cà phê arabica: Cà phê có chất lượng tốt, không có mùi cà phê cũ hoặc cà phê không chế biến ướt khi thử nếm; Quy định về kích cỡ: 50% cà phê được lấy mẫu có kích cỡ từ sàng 15 trở lên và không lớn hơn 5% cà phê được lấy mẫu có kích cỡ nhỏ hơn sàng 14; Cà phê có màu lục và không có mùi lạ; Cà phê không chứa nhiều hơn 15 lỗi toàn phần⁴.
- Hộ nông dân được khuyến khích áp dụng tiêu chuẩn bền vững và tự nguyện của Việt Nam, và quốc tế như: Tiêu chuẩn GAP, VietGAP⁵, hữu cơ Việt Nam⁶, 4C⁷, Rainforest⁸, Fairtrade⁹ hoặc tiêu chuẩn khác.

⁴ Chi tiết lỗi thành phần tại Phụ lục 1b1

⁵ Theo Thông tư Số: 48/2012/TT-BNNPTNT ban hành quy định về chứng nhận sản phẩm thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi được sản xuất, sơ chế phù hợp với Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt và Số: 06/2018/TT-BNNPTNT Sửa đổi Thông tư số 48/2012/TT-BNNPTNT

⁶ Theo Tiêu chuẩn quốc gia của TCVN 11041:2017 về Nông nghiệp hữu cơ – Yêu cầu chung đối với sản xuất, chế biến ghi nhãn sản phẩm nông nghiệp hữu cơ

⁷ Bộ quy tắc chung của Cộng đồng cà phê (4C) – do 4C Services GmbH sở hữu và vận hành (https://www.4c-services.org/wp-content/uploads/2021/01/200701_4C-Code-of-Conduct_v4.0_VN.pdf)

⁸ Tiêu Chuẩn Nông Nghiệp Bền Vững của Rainforest Alliance, Các Yêu Cầu Đối Với Trang Trại (<https://www.rainforest-alliance.org/wp-content/uploads/2023/03/SA-S-SD-1-V1.3VN-Tieu-Chuan-Nong-Nghiep-Ben-Vung-cua-Rainforest-Alliance-Farm-Requirements.pdf>)

⁹ Tiêu chuẩn thương mại công bằng (https://files.fairtrade.net/standards/Coffee_SPO_EN.pdf)

Hoạt động 2: Tăng cường năng lực các tổ chức nông dân

- Xác định nhu cầu xây dựng và củng cố HTX/tổ nhóm nông dân thông qua:
 - o Trao đổi, phân tích thực trạng của HTX/tổ nhóm nông dân về mô hình tổ chức, số lượng thành viên, quy mô diện tích, các hoạt động TCND đang triển khai.
 - o Xác định các nhu cầu cần xây dựng củng cố của HTX/tổ nhóm nông dân (về mô hình tổ chức, về năng lực quản lý, giám sát, về phương án sản xuất kinh doanh, về tiếp cận thị trường).
- Tiến hành các hoạt động xây dựng, củng cố HTX/tổ nhóm nông dân:
 - o Hoàn thiện, củng cố mô hình tổ chức, nâng cao nhận thức về kinh tế tập thể cho các thành viên.
 - o Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý cho lãnh đạo HTX/tổ nhóm nông dân (*quản lý nhân sự, bộ máy; quản lý cơ sở vật chất, tài sản, thiết bị, công nghệ; quản lý tài chính, kế toán; quản lý marketing, nghiên cứu thị trường; quản lý thông tin, pháp lý, hành chính văn phòng...*)
 - o Nâng cao năng lực theo dõi, giám sát, đánh giá cho HTX/tổ nhóm nông dân (*kiểm soát thực hành sản xuất, quy trình sản xuất, chất lượng sản phẩm*)
 - o Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, phương án sản xuất kinh doanh cho HTX/tổ nhóm nông dân (*đánh giá thực trạng sản xuất kinh doanh; phân tích môi trường bên ngoài; dự báo hoạt động kinh doanh của HTX/tổ nhóm nông dân; xây dựng mục tiêu; xây dựng các kế hoạch, biện pháp thực hiện; tổ chức thực hiện và đánh giá tổng kết kết quả thực hiện*)
 - o Nâng cao năng lực tiếp cận thị trường cho HTX/tổ nhóm nông dân thông qua cung cấp những kiến thức cơ bản về thị trường cà phê (*cung, cầu, khách hàng mục tiêu, thị hiếu, quá trình ra quyết định của khách hàng*) và ứng dụng marketing, truyền thông để tiếp cận thị trường.
- Thông qua các hoạt động trên giúp HTX/tổ nhóm nông dân nâng cao được vai trò, khả năng kết nối các thành viên, hiệu quả hoạt động, đáp ứng các yêu cầu khi tham gia mô hình liên kết.

Hoạt động 3: Hỗ trợ doanh nghiệp trong phát triển liên kết và chế biến, thương mại cà phê chất lượng cao

- Tiến hành tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp nâng cao chất lượng cà phê nhân/rang xay và hoạt động giám sát chất lượng sản phẩm thông qua: hỗ trợ doanh nghiệp cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn chuyên sâu về kỹ thuật rang xay, thử nếm cà phê, các phương pháp chế biến lưu giữ hương vị cà phê.
- Xây dựng và hỗ trợ ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm giữa doanh nghiệp với tổ nhóm và nông dân.
- Tiến hành hỗ trợ giám sát thực hiện hợp đồng tiêu thụ sản phẩm giữa doanh nghiệp với HTX/tổ nhóm và nông dân.
- Hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, quảng bá sản phẩm cà phê chất lượng cao thông qua đăng các tin, bài trên các website, xây dựng phóng sự về mô hình liên kết phát trên các kênh truyền hình.

Hoạt động 4: Huy động chính quyền địa phương tham gia trong mô hình

- Phối hợp, huy động chính quyền địa phương hỗ trợ triển khai mô hình: ưu tiên quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng, đào tạo tập huấn, nâng cao năng lực cho HTX/tổ chức nông dân và các hộ dân.
- Phối hợp, huy động với chính quyền địa phương trong giám sát, đánh giá, đảm bảo mối liên kết trong mô hình được thực thi bền vững.
- Phối hợp, huy động với chính quyền địa phương trong tổng kết, nhân rộng các mô hình thành công ra các địa bàn khác.

Giám sát quá trình thực hiện liên kết và đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng, bền vững trong chuỗi

- **Mục đích giám sát:** Đơn vị chủ trì, hỗ trợ xây dựng chuỗi liên kết xây dựng kế hoạch và phối hợp với các bên liên quan như chính quyền địa phương, TCND, doanh nghiệp, nông dân thực hiện giám sát nhằm đánh giá những mặt đã làm được những khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai liên kết từ đó tiến hành giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc, đảm bảo mô hình liên kết được vận hành theo sát kế hoạch và mục tiêu đã đề ra.

- **Phương pháp:** Đơn vị/chuyên gia thực hiện giám sát liên lạc trực tiếp và thường xuyên với đại diện doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân để cập nhật thông tin giám sát. Ngoài ra, đơn vị/chuyên gia giám sát cũng tham vấn cán bộ quản lý địa phương, cấp tỉnh để có đánh giá toàn diện, giám sát hoạt động của mô hình. Các thông tin chung về chu kỳ sản xuất và thời tiết, bệnh dịch từ các ấn phẩm, phương tiện truyền thông đại chúng cũng được tham khảo.
- **Nội dung giám sát** gồm các công việc theo kế hoạch liên kết đã đề ra tại Phần 2:
 - o Quá trình nâng cao năng lực cho nông dân, cho TCND và doanh nghiệp.
 - o Giám sát tình hình áp dụng các cam kết trong hợp đồng liên kết sản xuất tiêu thụ cà phê chất lượng cao các hộ sản xuất cà phê trong mô hình, của TCND và của doanh nghiệp:
 - *Đối với nông dân:* quá trình tham gia nâng cao năng lực, thực tế áp dụng, tuân thủ quy trình kỹ thuật, thực hành sản xuất theo tiêu chuẩn cà phê chất lượng cao được đào tạo; Kết quả sản xuất cà phê của hộ: sản lượng, năng suất, và chất lượng cà phê.
 - *Đối với TCND:* giám sát vai trò, trách nhiệm của TCND trong triển khai mô hình như vận động, giám sát các hộ tham gia, áp dụng các tiêu chuẩn đã được tập huấn, tham gia là trung gian trong ký kết hợp đồng liên kết, bảo vệ lợi ích hợp pháp cho các thành viên của mình.
 - *Đối với doanh nghiệp:* giám sát các nội dung doanh nghiệp đã cam kết trong hợp đồng liên kết như: hỗ trợ tăng cường năng lực cho hộ dân; khuyến cáo về kỹ thuật canh tác, chế biến; cam kết thu mua sản phẩm cà phê chất lượng cao;
- **Thời gian giám sát:** Giám sát được thực hiện phù hợp với đặc điểm chu kỳ sản xuất của cây cà phê, tập trung nhiều vào các thời gian từ tháng 8 đến tháng 12 khi cây cà phê trong thời kỳ phát triển hạt đến khi thu hái, sơ chế và chế biến.
- **Kết quả giám sát:** Sau mỗi chuyến giám sát cần đưa ra một báo cáo đánh giá, giám sát quá trình thực hiện liên kết, trong đó chỉ rõ các nội dung giám sát, các vấn đề khó khăn vướng mắc, vai trò trách nhiệm của từng tác nhân để có kế

hoạch, biện pháp khắc phục kịp thời, đảm bảo mô hình được vận hành thông suốt, theo sát kế hoạch đề ra.

(Mẫu báo cáo giám sát quá trình thực hiện liên kết tại Phụ lục 5)

Hỗ trợ thương mại hóa sản phẩm

Sản phẩm cà phê chất lượng cao từ mô hình được tiến hành quảng bá về các nội dung:

- Thông tin về nguồn gốc, chất lượng sản phẩm trên các website của Ban điều phối ngành hàng cà phê Việt Nam, của các trang tin nông nghiệp điện tử.
- Đưa tin, bài về sự hình thành và phát triển, các sản phẩm cà phê chất lượng cao trên truyền hình và các tờ báo lớn có độ phủ rộng trong cả nước.
- Phối hợp/hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia vào lễ hội/hội chợ cà phê, tổ chức các gian hàng giới thiệu cà phê của các mô hình liên kết.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Charles Eaton và Andrew W. Shepherd (2001), Contract farming Partnerships for growth. FAO Agricultural services bulletin 145

GTZ (2009), Phát triển chuỗi giá trị - công cụ gia tăng giá trị cho sản xuất nông nghiệp, Doris Becker, Phạm Ngọc Trâm và Hoàng Đình Tú

GIZ (2013) “Cẩm nang ValueLinks: Phương pháp luận để thúc đẩy chuỗi giá trị”

Hồ Quế Hậu (2012). Liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp chế biến nông sản với nông dân ở Việt Nam. Nhà xuất bản Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

Kaplinsky, R. and Morris, M. (2001) A Handbook for Value Chain Research. Institute of Development Studies, University of Sussex, Brighton, UK.

Smith, D, Dyer, R, và Wandschneider, T (Eds.) 2020. Cải Thiện Các Chuỗi Giá Trị Hiệu Quả Hơn Cho Người Nghèo, ACIAR Chuyên Khảo Số 212 (MN212).

Nghị định Số: 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Thông tư Số: 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn thực hiện một số điều tại Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn.

PHẦN 4. PHỤ LỤC CÁC BIỂU MẪU SỬ DỤNG KHI XÂY DỰNG, VẬN HÀNH LIÊN KẾT CHUỖI GIÁ TRỊ CÀ PHÊ CHẤT LƯỢNG CAO

Phụ lục 1. Tiêu chí cà phê chất lượng cao

1a. Bộ tiêu chí Cà phê Việt Nam chất lượng cao cho cà phê nhân Robusta

#	Tiêu chí	Yêu cầu	Các quy định, tiêu chuẩn tham chiếu, tài liệu chứng minh	Số điểm	
				Thiết yếu	Thứ yếu
I	ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN VÀ QUY CÁCH CHẤT LƯỢNG				
A	Điều kiện sản xuất			150	50
<i>Cà phê nhân Robusta đạt chất lượng cao về điều kiện sản xuất phải áp dụng 100% các tiêu chí thiết yếu và khuyến khích áp dụng trọn vẹn các tiêu chí thứ yếu, tương đương với từ 150 điểm trở lên.</i>					
1	Nguồn gốc cà phê nhân	Quả cà phê dùng để chế biến cà phê nhân được thu hoạch từ cây cà phê được trồng trên lãnh thổ Việt Nam Quả cà phê hoặc cà phê nhân nhập khẩu từ các quốc gia, vùng lãnh thổ khác để chế biến trên lãnh thổ Việt Nam không phải là đối tượng được tham gia	Có tài liệu minh chứng, xác thực nguồn gốc, địa điểm trồng	20	
2	Giống cà phê	Các giống cà phê (với) Robusta (Coffea canephora)	Các giống cà phê được cơ quan chức năng Việt Nam công nhận	20	
3	Vườn canh tác cà phê	Vườn canh tác cà phê nằm trong vùng được quy hoạch của quốc gia và địa phương Vườn canh tác cà phê không có nguồn gốc từ phá rừng hoặc gây suy thoái rừng và phải có thông tin tọa độ GPS	Có minh chứng về cà phê được canh tác trong vùng được quy hoạch Có minh chứng cà phê được sản xuất trên đất không có nguồn gốc từ phá rừng hoặc gây suy thoái rừng và có tọa độ GPS của vườn canh tác cà phê	20	
4	Quy trình canh tác	Khuyến khích áp dụng các tiêu chuẩn bền vững, tự nguyện của Việt Nam và quốc tế	Tiêu chuẩn GAP, VietGAP: 10 điểm Tiêu chuẩn hữu cơ Việt		50

#	Tiêu chí	Yêu cầu	Các quy định, tiêu chuẩn tham chiếu, tài liệu chứng minh	Số điểm	
				Thiết yếu	Thứ yếu
	cà phê		Nam: 10 điểm Tiêu chuẩn 4C: 10 điểm Tiêu chuẩn Rainforest: 10 điểm Tiêu chuẩn Fairtrade: 10 điểm Tiêu chuẩn khác: 10 điểm <i>(Lưu ý: Áp dụng phiên bản mới nhất của tiêu chuẩn)</i>		
5	Thu hoạch, lưu giữ cà phê	Khuyến khích thu hái cà phê quả chín trên 90%, không thu hái cà phê non, kém chất lượng Thu hái, lưu giữ, vận chuyển đảm bảo an toàn và tránh hư hỏng sản phẩm. Cà phê thu hái theo quy trình này phải được để tại khu vực riêng biệt, có đánh dấu, đặc điểm nhận dạng dễ dàng, tránh chồng lấn với các khu vực khác.	(Ví dụ Tiêu chuẩn TCVN 9278 Cà phê quả tươi - Yêu cầu kỹ thuật (phiên bản mới nhất)	50	
6	Lưu giữ hồ sơ	Ghi chép và lưu giữ tài liệu, hồ sơ, thông tin từ tiêu chí 1 đến tiêu chí 5 trong thời gian 1 năm	Có tài liệu, hồ sơ bản cứng hoặc bản mềm minh chứng cho việc áp dụng	40	
B	Điều kiện cơ sở chế biến và quy cách chất lượng cà phê			250	50
<i>Cà phê nhân Robusta đạt chất lượng cao về điều kiện cơ sở chế biến và quy cách chất lượng phải áp dụng 100% các tiêu chí thiết yếu và khuyến khích áp dụng trọn vẹn các tiêu chí thứ yếu, tương đương với từ 250 điểm trở lên.</i>					
1	An toàn thực phẩm	Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật quốc gia và địa phương	Có tài liệu hay chứng nhận xác thực, minh chứng cho việc áp dụng	30	
2	Quy trình	Cơ sở áp dụng quy trình chế biến ướt hoặc chế biến khô: • Chiến biến khô: 10 điểm	Có quy trình hay lưu đồ chế biến ướt hoặc chế biến khô		20

#	Tiêu chí	Yêu cầu	Các quy định, tiêu chuẩn tham chiếu, tài liệu chứng minh	Số điểm	
				Thiết yếu	Thứ yếu
	chế biến	• Chế biến ướt: 20 điểm			
3	Chỉ tiêu chất lượng cà phê nhân	Đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng đối với hạng P (Premium) và Hạng 1 theo quy định của ICE FUTURE Europe cho cà phê Robusta	Chi tiết quy định tiêu chuẩn chất lượng tối thiểu cho từng loại cà phê tại Phụ lục 1a1	100	
4	Lưu kho, bảo quản, bao bì	Tách biệt khu vực lưu kho sản phẩm giữa quy trình chế biến ướt, chế biến khô, giữa sản phẩm chế biến theo quy trình chất lượng cao và quy trình thông thường. Các khu vực được phân lập, đánh dấu, dễ dàng nhận dạng. Có số liệu minh bạch để truy xuất được nguồn gốc của sản phẩm Sản phẩm được bảo quản ở nơi khô ráo, đảm bảo vệ sinh, an toàn. Đảm bảo độ ẩm của cà phê từ 12,5-13% Bao bì đựng cà phê bảo đảm quy cách đóng gói theo quy định của ICE FUTURE Europe cho cà phê Robusta	Có tài liệu, hồ sơ (bản cứng hoặc bản mềm) minh chứng nguồn gốc sản phẩm (ví dụ phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, nhật kí chế biến, mã số lô hàng, hóa đơn, chứng từ liên quan xác định được nguồn gốc sản phẩm) Xác định độ ẩm theo Tiêu chuẩn TCVN 6928 (ISO 6673) (phiên bản mới nhất) Quy định bao bì, đóng gói cho cà phê Robusta tại Phụ lục 1a2	10	
5	Hệ thống quản trị	Khuyến khích cơ sở áp dụng các giải pháp quản trị như ISO, phần mềm, số hóa... Có dữ liệu, giải pháp, phương thức chứng minh được nguồn gốc sản phẩm	Ví dụ áp dụng Tiêu chuẩn ISO 9001, phần mềm quản trị, số hóa) (phiên bản mới nhất) (Ví dụ lưu giữ hồ sơ, áp dụng các giải pháp quản trị, phần mềm, số hóa...)	20	10
6	Tính pháp lý	Được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có nội dung đăng ký hoạt động sản xuất,	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	60	

#	Tiêu chí	Yêu cầu	Các quy định, tiêu chuẩn tham chiếu, tài liệu chứng minh	Số điểm	
				Thiết yếu	Thứ yếu
		<p>chế biến, kinh doanh sản phẩm cà phê</p> <p>Cơ sở đủ điều kiện chế biến cà phê theo quy định Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về an toàn phòng cháy chữa cháy</p> <p>Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về Thuế</p> <p>Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh</p> <p>Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về sử dụng lao động (trong đó có đóng Bảo hiểm xã hội, không sử dụng lao động cưỡng bức và bắt buộc, sử dụng lao động trẻ em dưới 15 tuổi theo quy định, khám sức khỏe định kì, đảm bảo quyền lợi người lao động)</p> <p>Tuân thủ việc kiểm tra định kì, đột xuất của các cơ quan quản lý được ủy nhiệm quản lý Nhãn hiệu chứng nhận Cà phê Việt Nam chất lượng cao</p>	<p>Hồ sơ, tài liệu minh chứng cho việc tuân thủ điều kiện chế biến và quy định về an toàn phòng cháy chữa cháy</p> <p>Xác nhận nghĩa vụ thuế 1 năm gần nhất</p> <p>Các hoạt động sản xuất, kinh doanh không ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường</p> <p>Thông báo kết quả đóng Bảo hiểm xã hội 1 năm gần nhất</p>		
7	Sử dụng năng lượng	Khuyến khích áp dụng sử dụng năng lượng hiệu quả, tiết kiệm, sử dụng năng lượng tái tạo, có kế hoạch cân đối giảm thiểu phát thải các-bon	Có các tài liệu, hồ sơ, chứng nhận minh chứng cho việc áp dụng		10
8	Phúc lợi xã hội	Có các hoạt động xã hội, thiện nguyện, vì cộng đồng được ghi nhận	Bằng khen, giấy ghi nhận, giấy chứng nhận...		10
9	Lưu giữ hồ sơ	Ghi chép và lưu giữ tài liệu, hồ sơ, thông tin từ tiêu chí 1 đến tiêu chí 8 trong thời gian 1 năm	Có tài liệu, hồ sơ (bản cứng hoặc bản mềm) minh chứng cho việc áp dụng	30	

Phụ lục 1a1. Quy định tiêu chuẩn chất lượng tối thiểu của ICE FUTURE cho cà phê nhân Robusta

(Tiêu chuẩn chất lượng cà phê Robusta của sàn London được quy định tại mục GGGG.4 (trang 8) của tài liệu CONTRACT RULES: ICE FUTURES ROBUSTA COFFEE FUTURES CONTRACT do ICE Future Europe ban hành năm 2021).

Tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm tối thiểu

Hạng cà phê	Chỉ tiêu
Hạng P (Premium)	Tối đa 0,5% lỗi (tính theo khối lượng) và tối đa 0,2% tạp chất (tính theo khối lượng) và tối thiểu 90% trên sàng 15 và tối thiểu 96% trên sàng 13 (tính trên 300 gram)
Hạng 1	Tối đa 3,0% lỗi (tính theo khối lượng) và tối đa 0,5% tạp chất (tính theo khối lượng) và tối thiểu 90% trên sàng 14 và tối thiểu 96% trên sàng 12 (tính trên 300 gram)

Cách tính lỗi

Các lỗi của cà phê Robusta bao gồm (nhưng không giới hạn) nhân đen, mảnh vỡ của nhân, quả tươi và nhân mốc, trong đó:

- Nhân đen (black bean): Nhân có hơn một nửa bề mặt hoặc bên trong (nội nhũ) bị đen
- Mảnh vỡ của nhân (bean fragment): Mảnh vỡ của nhân cà phê có thể tích nhỏ hơn một nửa nhân
- Quả tươi (cherry): Quả cà phê tươi
- Nhân mốc (mouldy bean): Nhân bị mốc hơn một nửa và có thể nhận biết bằng mắt thường

Tạp chất cà phê Robusta bao gồm vật thể không phải là nhân cà phê, thuộc về cà phê hoặc quả cà phê bao gồm (nhưng không giới hạn) cục đá (stone), mẫu cành cây (stick), đất (soil) và vỏ quả khô (husk).

Phụ lục 1a2: Quy định về bao gói của ICE FUTURE cho cà phê nhân Robusta

(Quy định về bao gói của ICE FUTURE cho cà phê nhân Robusta được quy định tại mục GGGG.5 (trang 9-10) của tài liệu CONTRACT RULES: ICE FUTURES ROBUSTA COFFEE FUTURES CONTRACT do ICE Future Europe ban hành năm 2021)

a. Cà phê Robusta giao theo hợp đồng:

i) Nếu được vận chuyển từ nước xuất khẩu dưới dạng bao thì phải được đóng trong bao có tình trạng bên ngoài tốt, bao được dệt từ sợi tự nhiên, đủ chắc chắn trong quá trình vận chuyển và lưu kho, chưa qua sử dụng, bao sạch và phù hợp để chứa thực phẩm và đáp ứng các tiêu chí khác có thể đã được mô tả bởi Sàn giao dịch; và

ii) Nếu được vận chuyển dưới dạng dòi (in bulk) thì phải được đóng:

A. trong bao có tình trạng bên ngoài tốt, bao được dệt từ sợi tự nhiên, đủ chắc chắn trong quá trình vận chuyển và lưu kho, chưa qua sử dụng, bao sạch và phù hợp để chứa thực phẩm và đáp ứng các tiêu chí khác có thể đã được mô tả bởi Sàn giao dịch; hoặc

B. trong các bao Jumbo (FIBCs) được niêm phong, có tình trạng bên ngoài tốt, sử dụng vật liệu giúp ngăn ngừa nước ngưng tụ trong quá trình lưu kho, đủ chắc chắn trong quá trình vận chuyển và lưu kho, chưa qua sử dụng, bao sạch và phù hợp để chứa thực phẩm và đáp ứng các tiêu chí khác có thể đã được mô tả bởi Sàn giao dịch.

b. Nếu cà phê Robusta được vận chuyển từ nước xuất khẩu:

i) dưới dạng bao thì mỗi bao cà phê Robusta trong mỗi lô giao theo hợp đồng có trọng lượng tổng không vượt quá 80 kg; hoặc

ii) dưới dạng dòi;

A. mỗi bao cà phê Robusta trong mỗi lô giao theo hợp đồng có trọng lượng tổng không vượt quá 80 kg; hoặc

B. mỗi bao Jumbo cà phê Robusta trong mỗi lô giao theo hợp đồng có trọng lượng tổng không được nhỏ hơn 900 kg và không vượt quá 1.100 kg.

c. Cà phê Robusta giao theo hợp đồng có thể đóng bao lại. Các bao phải chưa qua sử dụng, bao sạch và phù hợp để chứa thực phẩm, đáp ứng tiêu chí tại mục GGGG.5(a)(ii) và đáp ứng các tiêu chí khác có thể đã được mô tả bởi Sàn giao dịch.

1b. Bộ tiêu chí Cà phê Việt Nam chất lượng cao cho cà phê nhân Arabica

#	Tiêu chí	Yêu cầu	Các quy định, tiêu chuẩn tham chiếu, tài liệu chứng minh	Số điểm	
				Thiết yếu	Thứ yếu
I	ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN VÀ QUY CÁCH CHẤT LƯỢNG				
A	Điều kiện sản xuất			150	50
	<i>Cà phê nhân Arabica đạt chất lượng cao về điều kiện sản xuất phải áp dụng 100% các tiêu chí thiết yếu và khuyến khích áp dụng trọn vẹn các tiêu chí thứ yếu, tương đương với từ 150 điểm trở lên.</i>				
1	Nguồn gốc cà phê nhân	Quả cà phê dùng để chế biến cà phê nhân được thu hoạch từ cây cà phê được trồng trên lãnh thổ Việt Nam Quả cà phê hoặc cà phê nhân nhập khẩu từ các quốc gia, vùng lãnh thổ khác để chế biến trên lãnh thổ Việt Nam không phải là đối tượng được tham gia	Có tài liệu minh chứng, xác thực nguồn gốc, địa điểm trồng cà phê	20	
2	Giống cà phê	Các giống cà phê (chè) Arabica (Coffea arabica)	Các giống cà phê được các cơ quan chuyên môn chức năng của Việt Nam công nhận	20	
3	Vườn canh tác cà phê	Vườn canh tác cà phê nằm trong vùng được quy hoạch của quốc gia và địa phương Vườn canh tác cà phê không có nguồn gốc từ phá rừng hoặc gây suy thoái rừng và phải có thông tin tọa độ GPS	Có minh chứng về cà phê được canh tác trong vùng được quy hoạch Có minh chứng cà phê được sản xuất trên đất không có nguồn gốc từ phá rừng hoặc gây suy thoái rừng và có tọa độ GPS của vườn canh tác cà phê	20	
4	Quy trình canh tác cà phê	Khuyến khích áp dụng các tiêu chuẩn bền vững, tự nguyện của Việt Nam và quốc tế	Tiêu chuẩn GAP, VietGAP: 10 điểm Tiêu chuẩn hữu cơ Việt Nam: 10 điểm Tiêu chuẩn 4C: 10 điểm		50

#	Tiêu chí	Yêu cầu	Các quy định, tiêu chuẩn tham chiếu, tài liệu chứng minh	Số điểm	
				Thiết yếu	Thứ yếu
			Tiêu chuẩn Rainforest: 10 điểm Tiêu chuẩn Fairtrade: 10 điểm Tiêu chuẩn khác: 10 điểm) (Lưu ý: Áp dụng phiên bản mới nhất của tiêu chuẩn)		
5	Thu hoạch, lưu giữ cà phê	Khuyến khích thu hái cà phê quả chín trên 90%, không thu hái cà phê non, kém chất lượng Thu hái, lưu giữ, vận chuyển đảm bảo an toàn và tránh hư hỏng sản phẩm. Cà phê thu hái theo quy trình này phải được để tại khu vực riêng biệt, có đánh dấu, đặc điểm nhận dạng dễ dàng, tránh chồng lấn với các khu vực khác.	(Ví dụ Tiêu chuẩn TCVN 9278 Cà phê quả tươi - Yêu cầu kỹ thuật (phiên bản mới nhất)	50	
6	Lưu giữ hồ sơ	Ghi chép và lưu giữ tài liệu, hồ sơ, thông tin từ tiêu chí 1 đến tiêu chí 5 trong thời gian 1 năm	Có tài liệu, hồ sơ bản cứng hoặc bản mềm minh chứng cho việc áp dụng	40	
B	Điều kiện cơ sở chế biến và quy cách chất lượng cà phê			250	50
<i>Cà phê nhân Arabica đạt chất lượng cao về điều kiện cơ sở chế biến và quy cách chất lượng phải áp dụng 100% các tiêu chí thiết yếu và khuyến khích áp dụng trọn vẹn các tiêu chí thứ yếu, tương đương với từ 250 điểm trở lên.</i>					
1	An toàn thực phẩm	Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật quốc gia và địa phương	Có tài liệu hay chứng nhận xác thực, minh chứng cho việc áp dụng	30	
2	Quy trình chế biến	Cơ sở áp dụng quy trình chế biến ướt hoặc chế biến khô: • Chiến biến khô: 10 điểm • Chế biến ướt: 20 điểm	Có quy trình hay lưu đồ chế biến ướt hoặc chế biến khô		20

#	Tiêu chí	Yêu cầu	Các quy định, tiêu chuẩn tham chiếu, tài liệu chứng minh	Số điểm	
				Thiết yếu	Thứ yếu
3	Chỉ tiêu chất lượng cà phê nhân	Đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng tối thiểu trở lên theo quy định của ICE FUTURE U.S. cho cà phê Arabica	Chi tiết quy định tiêu chuẩn chất lượng tối thiểu cho từng loại cà phê tại Phụ lục 1b1	100	
4	Lưu kho, bảo quản, bao bì	Tách biệt khu vực lưu kho sản phẩm giữa quy trình chế biến ướt, chế biến khô, giữa sản phẩm chế biến theo quy trình chất lượng cao và quy trình thông thường. Các khu vực được phân lập, đánh dấu, dễ dàng nhận dạng. Có số liệu minh bạch để truy xuất được nguồn gốc của sản phẩm Sản phẩm được bảo quản ở nơi khô ráo, đảm bảo vệ sinh, an toàn. Đảm bảo độ ẩm của cà phê từ 12,5-13% Bao bì đựng cà phê bảo đảm quy cách đóng gói theo quy định của ICE FUTURE U.S. cho cà phê Arabica	Có tài liệu, hồ sơ (bản cứng hoặc bản mềm) minh chứng nguồn gốc sản phẩm (ví dụ phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, nhật ký chế biến, mã số lô hàng, hóa đơn, chứng từ liên quan xác định được nguồn gốc sản phẩm) Xác định độ ẩm theo Tiêu chuẩn TCVN 6928 (ISO 6673) (phiên bản mới nhất) Quy định bao bì, đóng gói cho cà phê Arabica tại Phụ lục 1b2	10	
5	Hệ thống quản trị	Khuyến khích cơ sở áp dụng các giải pháp quản trị như ISO, phần mềm, số hóa... Có dữ liệu, giải pháp, phương thức chứng minh được nguồn gốc sản phẩm	Ví dụ áp dụng Tiêu chuẩn ISO 9001, phần mềm quản trị, số hóa) (phiên bản mới nhất) (Ví dụ lưu giữ hồ sơ, áp dụng các giải pháp quản trị, phần mềm, số hóa...)	20	10
6	Tính pháp lý	Được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có nội dung đăng ký hoạt động sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm cà phê Cơ sở đủ điều kiện chế biến cà phê theo quy định Tuần thủ	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Hồ sơ, tài liệu minh chứng cho việc tuân thủ điều kiện chế biến	60	

#	Tiêu chí	Yêu cầu	Các quy định, tiêu chuẩn tham chiếu, tài liệu chứng minh	Số điểm	
				Thiết yếu	Thứ yếu
		<p>các quy định pháp luật hiện hành về an toàn phòng cháy chữa cháy</p> <p>Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về Thuế</p> <p>Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh</p> <p>Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về sử dụng lao động (trong đó có đóng Bảo hiểm xã hội, không sử dụng lao động cưỡng bức và bắt buộc, sử dụng lao động trẻ em dưới 15 tuổi theo quy định, khám sức khỏe định kỳ, đảm bảo quyền lợi người lao động)</p> <p>Tuân thủ việc kiểm tra định kỳ, đột xuất của các cơ quan quản lý được ủy nhiệm quản lý</p> <p>Nhãn hiệu chứng nhận Cà phê Việt Nam chất lượng cao</p>	<p>và quy định về an toàn phòng cháy chữa cháy</p> <p>Xác nhận nghĩa vụ thuế 1 năm gần nhất</p> <p>Các hoạt động sản xuất, kinh doanh không ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường</p> <p>Thông báo kết quả đóng Bảo hiểm xã hội 1 năm gần nhất</p>		
7	Sử dụng năng lượng	Khuyến khích áp dụng sử dụng năng lượng hiệu quả, tiết kiệm, sử dụng năng lượng tái tạo, có kế hoạch cân đối giảm thiểu phát thải các-bon	Có các tài liệu, hồ sơ, chứng nhận minh chứng cho việc áp dụng		10
8	Phúc lợi xã hội	Có các hoạt động xã hội, thiện nguyện, vì cộng đồng được ghi nhận	Bằng khen, giấy ghi nhận, giấy chứng nhận...		10
9	Lưu giữ hồ sơ	Ghi chép và lưu giữ tài liệu, hồ sơ, thông tin từ tiêu chí 1 đến tiêu chí 8 trong thời gian 1 năm	Có tài liệu, hồ sơ (bản cứng hoặc bản mềm) minh chứng cho việc áp dụng	30	

Phụ lục 1b1: Quy định tiêu chuẩn chất lượng tối thiểu của ICE FUTURE cho cà phê nhân Arabica

(Tiêu chuẩn chất lượng cà phê Arabica của sàn New York được quy định tại mục f) và g) (trang 8-30) của Phụ lục II Procedures for Grading Coffee and Issuance of Certificates of Grade của tài liệu COFFEE "C"® RULES do ICE Futures U.S.®, Inc ban hành năm 2021).

Tiêu chuẩn chất lượng giao dịch tối thiểu theo Hợp đồng tương lai Coffee "C" như sau:

- 1) Cà phê có chất lượng tốt, không có mùi cà phê cũ hoặc cà phê không chế biến ướt khi thử nếm;
- 2) Cà phê có chất lượng tốt để đưa vào rang;
- 3) Quy định về kích cỡ: i) 50% cà phê được lấy mẫu có kích cỡ từ sàng 15 trở lên và ii) không lớn hơn 5% cà phê được lấy mẫu có kích cỡ nhỏ hơn sàng 14;
- 4) Cà phê có màu lục và không có mùi lạ;
- 5) Cà phê không chứa nhiều hơn 15 lỗi toàn phần.

Cách tính lỗi

Các lỗi toàn phần (full imperfections) của cà phê Arabica được xác định như sau:

Lỗi toàn phần (full imperfection)	Các lỗi (imperfections)
1 lỗi toàn phần	1 nhân đen toàn bộ (full black) 1 nhân lên men (sour) 1 quả khô hoặc tươi (pod or cherry) 5 nhân rỗng ruột (shell) 5 nhân vỡ hoặc bị cắt (broken or cut bean) 2 đến 5 nhân đen từng phần, lên men từng phần hoặc non từng phần (partly black or partly sour or partly immature beans), phụ thuộc vào mức độ bị hỏng, bạc màu (spoiled, discoloured) 5 nhân nổi (floaters) 3 mẫu cành cây (sticks) nhỏ hơn 1/2 inch 1 mẫu cành cây (sticks) có kích cỡ từ 1/2 inch đến 1 inch 3 cục đá (stones) nhỏ hơn sàng 12 1 cục đá (stone) nhỏ hơn sàng 16 nhưng trên sàng 12 2 đến 3 vỏ hạt (hull hoặc husk) tùy thuộc vào kích cỡ; 10 bored beans ¹⁰ 2 đến 3 mảnh vỏ trấu (parchment)
2 lỗi toàn phần	1 mẫu cành cây có kích cỡ từ 1 đến 2 inch
3 lỗi toàn phần	1 mẫu cành cây có kích cỡ lớn hơn 2 inches; và 1 cục đá trên sàng 20

¹⁰ Bored coffee beans (BCBs) are the residues left from the pest *Hypothenemus hampei* that attacks coffee crops

Phụ lục 1b2: Quy định về bao gói của ICE FUTURE cho cà phê nhân Arabica

(Quy định về bao gói của ICE FUTURE cho cà phê nhân Arabica được quy định tại Rule 8.14 Storage and packaging của tài liệu COFFEE "C"® RULES do ICE Futures U.S.®, Inc ban hành năm 2021)

(5) Cà phê được đóng bao có dấu hiệu quốc gia trồng cà phê trên bao trước khi xuất khẩu, trừ trường hợp cà phê đóng bao lại (repackage) vẫn có thể được giao nếu i) bao mà đã được ghi dấu hiệu phù hợp bị bẩn hoặc hư hại và việc đóng bao lại được thực hiện bởi một kho hoặc nhà cân (weighmaster) được cấp phép tại một kho được cấp phép, và ii) bao mới chứa dấu hiệu xuất hiện trên bao ban đầu.

(6) được đóng bao, túi với kích cỡ thương mại được công nhận ở quốc gia trồng cà phê (ví dụ khối lượng tiêu chuẩn quốc gia và/hoặc địa phương trồng cà phê) và mỗi Lô được giao phải bao gồm các bao, túi đồng nhất về trọng lượng;

(7) được đóng trong bao được làm từ sợi xidal (sisdal), sợi thùa (henequen), sợi đay (jute), vải bao bì (burlap) hoặc chất liệu dệt có đặc tính tương tự và có trọng lượng tối thiểu là 700 gram (không bao gồm lớp vải lót bên trong hoặc lớp phủ bên ngoài làm từ chất liệu khác; và

(8) với mỗi Lô theo hợp đồng, không cho phép quá 15 bao không đạt tiêu chuẩn, miễn là mỗi bao không đạt tiêu chuẩn phải có trọng lượng tối thiểu là 100-pound và đối với cà phê mà đã được tháo dỡ hoặc trộn nhằm đạt được tiêu chuẩn quy định tại khoản này, kho chứa mà cà phê được phân loại phải chứng nhận bằng văn bản rằng cà phê được giao là đồng nhất sau khi được tháo dỡ hoặc trộn.

Không được giao bao, túi cà phê nếu tại thời điểm giao:

(1) có chứa tạp chất lạ;

(2) có chứa cà phê bị hỏng mà bên ngoài bao không ghi chú tình trạng hỏng của cà phê;

(3) kết hợp cà phê có chất lượng tốt ở miệng bao và cà phê chất lượng kém ở bên trong bao theo cách mà không dễ bị phát hiện bởi dụng cụ lấy mẫu cà phê tiêu chuẩn;

(4) cà phê được ghi xuất xứ nơi trồng, loại và hạng nhất định nhưng lại chứa cà phê có xuất xứ, loại và hạng không như công bố;

(5) trọng lượng bao, gói cà phê không đồng nhất theo tiêu chuẩn trọng lượng của quốc gia trồng cà phê;

(6) cà phê được tháo dỡ, trộn hoặc tân trang trên tàu; cà phê được tháo dỡ, trộn hoặc tân trang tại các kho chứa được chấp nhận cho giao; hoặc

(7) kho chứa ghi rõ trong hệ thống vận hành hàng hóa điện tử của Sàn giao dịch (eCOPS) rằng bao cà phê trong một Lô cần được đóng bao lại (chỉ dấu đóng bao lại).

Phụ lục 2. Tiêu chí lựa chọn vùng và tác nhân tham gia liên kết

Phụ lục 2a. Tiêu chí lựa chọn vùng

(Đánh giá: Theo thang điểm từ 1 đến 5)

#	Tiêu chí	Đánh giá*	Giải thích
I	Điều kiện tự nhiên		
1.	Nhiệt độ trung bình		- Đối với cà phê arabica: trong khoảng 15-24°C; được điểm 5, điểm sẽ càng giảm nếu nằm càng xa giới hạn này. - Đối với cà phê robusta: 24-29°C được điểm 5, điểm càng giảm nếu nằm càng xa giới hạn này.
2.	Độ cao		-Đối với cà phê arabica: có độ cao từ 1000m trở lên, trong khoảng 1400m-2000m so với mực nước biển đạt điểm 5, điểm giảm dần nếu thấp hơn 1400m -Đối với cà phê robusta: có độ cao dưới 1000m, trong khoảng 600-800m được điểm 5
3.	Độ dốc		Dưới 15° (trừ một số vùng đặc thù), càng ít dốc điểm càng cao
4.	Lượng mưa		-Đối với cà phê arabica: lượng mưa từ 1.200 - 1.900 mm/năm -Đối với cà phê robusta: 1200-2500mm/năm
5.	Điều kiện khác (độ ẩm, ánh sáng, chất đất, độ PH, sương muối, sương giá....)		-Đối với cà phê arabica: Độ ẩm cao (trên 70°), ánh sáng phân tán -Đối với cà phê robusta: độ ẩm cao và cần nhiều ánh sáng
II	Sự phù hợp của địa phương		
6.	Sự phù hợp với định hướng tái cơ cấu ngành nông nghiệp của địa phương		
7.	Sự phù hợp của giống cà phê		Cà phê arabica tại Lâm Đồng, Sơn La và cà phê robusta tại Gia Lai, Đắk Lắk
8.	Sản xuất tập trung của hộ		Diện tích và số hộ sản xuất tập trung đủ lớn để lựa chọn hộ tham gia mô hình

#	Tiêu chí	Đánh giá*	Giải thích
9.	Sự ủng hộ của chính quyền địa phương (huyện, xã) đối với việc triển khai mô hình		
10.	Sự phát triển của các TCND (đã có hoặc có thể thành lập ngay) về sản xuất cà phê		Đã có TCND và đang vận hành tốt : 5 điểm
11.	Cơ sở hạ tầng và địa hình thuận lợi cho sản xuất, thương mại cà phê chất lượng cao (giao thông, thủy lợi)		Hoặc điều kiện tự nhiên không cần tưới nước cũng tương đương có hạ tầng thủy lợi tốt
12.	Khác (các yếu tố như danh tiếng trong chất lượng cà phê, thương hiệu cho vùng, chỉ dẫn địa lý xuất xứ, khả năng áp dụng KHKT của người dân, chính sách thu hút đầu tư doanh nghiệp của địa phương...) tùy thuộc từng mô hình		
	Tổng điểm		

Phụ lục 2b. Tiêu chí lựa chọn hộ

(Đánh giá: Theo thang điểm từ 1 đến 5)

#	Tiêu chí	Đánh giá*	Giải thích
I	Đặc điểm hộ		
1.	Cư trú và có vườn cà phê tại vùng lựa chọn mô hình liên kết		Đây là điều kiện bắt buộc
2.	Thành viên hoặc thành viên dự bị/liên kết của TCND		Điều kiện bắt buộc Thành viên chính thức được 5 điểm, liên kết/dự bị 1 điểm
3.	Kinh nghiệm trong sản xuất cà phê (loại giống cà phê tham gia trong mô hình)		Kinh nghiệm sản xuất cà phê (độ tuổi kinh doanh) từ 5 năm trở lên: 5 điểm Điểm giảm tương ứng với số năm kinh nghiệm giảm Chưa có kinh nghiệm: 0 điểm
4.	Khả năng ghi chép các hoạt động sản xuất cà phê (nhật ký nông hộ) nếu được yêu cầu		
5.	Khả năng tham dự tập huấn, tham quan của mô hình		
6.	Khả năng chia sẻ kinh nghiệm, tuyên truyền kinh nghiệm trong sản xuất		
7.	Khả năng áp dụng KHKT trong sản xuất, thu hoạch và bảo quản cà phê		
8.	Năng lực tài chính, cơ sở vật chất đầu tư sản xuất cà phê chất lượng cao (đối với phần diện tích tham gia mô hình)		
9.	Kinh nghiệm trong tham gia các hình thức liên kết trong sản xuất cà phê (bao gồm cả ký và không ký hợp đồng)		Đã tham gia: 5 điểm Chưa tham gia : 0 điểm
10.	Kinh nghiệm trong sản xuất cà phê theo các tiêu chuẩn bền vững		Hiện đang sản xuất theo chuẩn bền vững: 5 điểm, điểm giảm theo mức độ áp dụng
II	Điều kiện sản xuất của hộ		
11.	Quy mô vườn cà phê (cho loại giống tham gia mô hình)		Từ 1ha trở lên

#	Tiêu chí	Đánh giá*	Giải thích
12.	Sở hữu đất vườn cà phê (tham gia mô hình)		Điểm tăng theo mức độ đảm bảo về sở hữu trong suốt quá trình triển khai mô hình Có sổ đỏ/sổ hồng chính chủ: 5 điểm, đi thuê (hàng năm) : 1 điểm
13.	Tuổi cây		Cà phê đang trong thời kỳ kinh doanh là yêu cầu bắt buộc, tuổi cây từ 5-15 (trồng mới) đạt 5 điểm, điểm giảm cho những vườn cây già cỗi hơn
14.	Năng suất của 2 vụ gần đây so với trung bình của vùng		
15.	Chất lượng hạt cà phê của 2 vụ gần đây so với trung bình của vùng		
16.	Thực trạng áp dụng kỹ thuật (được khuyến cáo chính thức) trong trồng và chăm sóc vườn		
17.	Thực trạng áp dụng kỹ thuật (được khuyến cáo chính thức) trong bón phân và thuốc		
18.	Thực trạng áp dụng kỹ thuật (được khuyến cáo chính thức) trong tưới nước		
19.	Thực trạng áp dụng kỹ thuật (được khuyến cáo chính thức) trong thu hái và bảo quản		
III	Sự sẵn sàng tham gia và cam kết của hộ		
20.	Mức độ mong muốn sản xuất cà phê chất lượng cao		
21.	Mức độ muốn tham gia mô hình liên kết		
22.	Mức độ cam kết tuân thủ các quy trình kỹ thuật của mô hình		
	Tổng điểm		

Phụ lục 2c. Tiêu chí lựa chọn hợp tác xã, tổ hợp tác

(Đánh giá: Theo thang điểm từ 1 đến 5)

#	Tiêu chí	Đánh giá*	Giải thích
I	Đặc điểm của TCND		
1.	TCND đã được thành lập và có hoạt động sản xuất, kinh doanh về cà phê		Có quyết định thành lập HTX: 5 điểm; THT: 3 điểm
2.	Thời gian vận hành, thành lập TCND		Từ 5 năm trở lên: 5 điểm Ít hơn mỗi năm giảm 1 điểm
3.	Hoạt động của TCND trong 2 năm gần đây		Tính theo vốn, sự phát triển tài sản, thành viên...
4.	Khả năng đóng góp tài chính/cơ sở vật chất, nhân lực của TCND làm đối ứng trong tham gia mô hình		
5.	Khả năng cung cấp dịch vụ vật tư đầu vào chất lượng đảm bảo và có thể tiếp cận được cho thành viên của TCND		
6.	Khả năng tập hợp, thu mua/thu gom cà phê của các thành viên để bán cho DN		
7.	Năng lực quản lý, vận hành của Ban quản trị HTX, THT		
8.	Sự nhiệt tình trong việc thúc đẩy hoạt động sản xuất, tiêu thụ cà phê của Ban quản trị HTX, THT		
9.	Kinh nghiệm trong ký hợp đồng liên kết của HTX, THT		Có kinh nghiệm thành công : 5 điểm
10.	Kinh nghiệm trong triển khai các lớp tập huấn KHKT của HTX, THX		
11.	Có hợp đồng ký kết với DN kinh doanh cà phê để bao tiêu sản phẩm cà phê trong 2 năm gần đây		
II	Cam kết của TCND		
12.	Mức độ sẵn sàng và mong muốn tham gia mô hình của HTX, THT		
13.	Mức độ sẵn sàng đối ứng khi tham gia mô hình của HTX, THT		
14.	Mức độ và khả năng sẵn sàng tuân thủ các cam kết, thỏa thuận với DN và TCND		
15.	Khả năng sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, tuyên truyền về kết quả mô hình		
	Tổng điểm		

Phụ lục 2d. Tiêu chí lựa chọn doanh nghiệp

(Đánh giá: Theo thang điểm từ 1 đến 5)

#	Tiêu chí	Đánh giá*	Giải thích
I	Đặc điểm của Doanh nghiệp		
1.	Là DN trong nước có hoạt động sản xuất và hoặc kinh doanh về ngành hàng cà phê		Điều kiện bắt buộc
2.	Thời gian vận hành, thành lập DN đến nay		Từ 5 năm trở lên: 5 điểm Ít hơn mỗi năm giảm 1 điểm
3.	Hoạt động của DN trong 2 năm gần đây		Tính theo vốn, sự phát triển tài sản, sản lượng, thu nhập
4.	Khả năng đóng góp tài chính/co sở vật chất, nhân lực của DN làm đối ứng trong tham gia mô hình		
5.	Khả năng cung cấp KHKT, yếu tố đầu vào cho người dân liên kết		
6.	Khả năng thu mua đầu ra sản phẩm cà phê của hộ dân liên kết		
7.	Mức độ đa dạng trong các dòng sản phẩm của DN (xuất khẩu, nội địa, chế biến)		
8.	Tính có sẵn của thương hiệu sản phẩm chế biến của DN		
9.	Quy mô thu mua của DN trong 2 năm gần đây		
10.	Công suất chế biến của DN trong 2 năm gần đây		
11.	Kinh nghiệm trong ký hợp đồng liên kết với hộ dân, TCND		Có kinh nghiệm thành công : 5 điểm
12.	Kinh nghiệm trong triển khai tập huấn, hướng dẫn KHKT do người dân sản xuất cà phê		
13.	Hiện có hợp đồng ký kết thu mua đầu ra sản phẩm với TCND		
14.	Phân khúc thị trường DN hướng tới có sản phẩm cà phê chất lượng cao không		
15.	Mức độ đầu tư của DN trong nâng cao chất lượng cà phê		
II	Cam kết của DN		
16.	Mức độ sẵn sàng và mong muốn tham gia mô hình của DN		
17.	Mức độ sẵn sàng đối ứng khi tham gia mô hình của DN		

#	Tiêu chí	Đánh giá*	Giải thích
18.	Mức độ và khả năng sẵn sàng tuân thủ các cam kết, thỏa thuận giữa Viện với DN và TCND		
19.	Khả năng duy trì, mở rộng quy mô của DN nếu mô hình thành công		
	Tổng điểm		

Phụ lục 3. Các mẫu hợp đồng liên kết

Mẫu 1: Hợp đồng mua bán nông sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN NÔNG SẢN

Số:/...../HD

Hôm nay, ngày tháng năm, Tại

Chúng tôi gồm có:

BÊN MUA (Bên A)

Tên DN/HTX/Cá nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Tài khoản số:

Mở tại ngân hàng:

Đại diện là (DN/HTX):

Chức vụ:

Giấy ủy quyền (nếu thay giám đốc ký) số: ngày tháng năm

Do chức vụ ký.

BÊN BÁN (Bên B)

Tên DN/HTX/Cá nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Tài khoản số:

Mở tại ngân hàng:

Đại diện là (DN/HTX):

Chức vụ:

Giấy ủy quyền (nếu thay giám đốc ký) số: ngày tháng năm

Do chức vụ ký.

Hai bên thống nhất thỏa thuận nội dung hợp đồng như sau:

Điều 1: Nội dung công việc giao dịch

1. Bên B bán cho bên A:

STT	Tên hàng	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1						
2						
Cộng						
Tổng giá trị bằng chữ:						

Điều 2: Giá cả

Đơn giá mặt hàng trên là giá theo văn bản (nếu có) của

Điều 3: Chất lượng và quy cách hàng hóa

1. Chất lượng mặt hàng được quy định theo

Điều 4: Bao bì và ký mã hiệu

1. Bao bì làm bằng:

2. Quy cách bao bì cỡ kích thước

3. Cách đóng gói:

4. Trọng lượng cả bì:

5. Trọng lượng tịnh:

Điều 5: Phương thức giao nhận

1. Bên B giao cho bên A theo lịch sau:

STT	Tên hàng	Đơn vị	Số lượng	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1						
2						

2. Phương tiện vận chuyển và chi phí vận chuyển do bên chịu.

Chi phí bốc xếp (mỗi bên chịu một đầu hoặc))

3. Quy định lịch giao nhận hàng hóa mà bên mua không đến nhận hàng thì phải chịu chi phí lưu kho bãi là đồng/ngày. Nếu phương tiện vận chuyển bên mua đến mà bên bán không có hàng giao thì bên bán phải chịu chi phí thực tế cho việc điều động phương tiện.

4. Khi nhận hàng, bên mua có trách nhiệm kiểm nhận phẩm chất, quy cách hàng hóa tại chỗ. Nếu phát hiện hàng thiếu hoặc không đúng tiêu chuẩn chất lượng v.v... thì lập biên

bản tại chỗ, yêu cầu bên bán xác nhận. Hàng đã ra khỏi kho bên bán không chịu trách nhiệm.

Điều 6: Phương thức thanh toán

1. Bên A thanh toán cho bên B bằng hình thức trong thời gian

Điều 7: Ngưng thanh toán tiền mua hàng

Việc ngưng thanh toán tiền mua hàng được quy định như sau:

1. Bên A có bằng chứng về việc bên B lừa dối thì có quyền tạm ngưng việc thanh toán cho đến khi việc tranh chấp đã được giải quyết;
2. Bên A có bằng chứng về việc bên B đã giao hàng không phù hợp với hợp đồng thì có quyền tạm ngưng thanh toán cho đến khi bên B đã khắc phục sự không phù hợp đó;
3. Trường hợp tạm ngưng thanh toán theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này mà bằng chứng do bên A đưa ra không xác thực, gây thiệt hại cho bên B thì bên A phải bồi thường thiệt hại đó và chịu các chế tài khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Về chia sẻ rủi ro bất khả kháng và biến động giá cả thị trường.

1. Trường hợp phát hiện hoặc có dấu hiệu bất khả kháng thì mỗi bên phải thông báo kịp thời cho nhau để cùng bàn cách khắc phục và khẩn trương cố gắng phòng tránh, khắc phục hậu quả của bất khả kháng. Khi bất khả kháng xảy ra, hai bên phải tiến hành theo đúng các thủ tục quy định của pháp luật lập biên bản về tổn thất của hai bên, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã (huyện) nơi xảy ra bất khả kháng để được miễn trách nhiệm khi thanh lý hợp đồng.

- Ngoài ra, Bên A còn có thể thỏa thuận miễn giảm.....% giá trị vật tư, tiền vốn ứng trước cho Bên B theo sự thỏa thuận của hai bên.

2. Trường hợp giá cả thị trường có đột biến gây thua thiệt quá khả năng tài chính của Bên A thì hai bên bàn bạc để Bên B điều chỉnh giá bán nông sản hàng hóa cho Bên A so với giá đã ký tại Điều 1 của hợp đồng này.

- Ngược lại, nếu giá cả thị trường tăng có lợi cho Bên A thì hai bên bàn bạc để Bên A tăng giá mua nông sản cho Bên B.

Điều 9. Trách nhiệm vật chất của các bên trong việc thực hiện hợp đồng

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng, bên nào không thực hiện đúng, thực hiện không đầy đủ hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì bị phạt bồi thường thiệt hại vật chất.

- Mức phạt vi phạm hợp đồng về số lượng, chất lượng, giá cả, thời gian, địa điểm và phương thức thanh toán do hai bên thỏa thuận ghi vào hợp đồng.

+ Mức phạt về không đủ số lượng: (.....% giá trị hoặc..... đồng/đơn vị)

- + Mức phạt về không đảm bảo chất lượng:.....
- + Mức phạt về không đảm bảo thời gian.....
- + Mức phạt về sai phạm địa điểm.....
- + Mức phạt về thanh toán chậm.....

Bên A có quyền từ chối nhận hàng nếu chất lượng hàng hoá không phù hợp với quy định của hợp đồng.

Điều 10. Giải quyết tranh chấp hợp đồng

1. Hai bên phải chủ động thông báo cho nhau về tiến độ thực hiện hợp đồng. Những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng có nguy cơ dẫn tới không đảm bảo tốt cho việc thực hiện hợp đồng, các bên phải kịp thời thông báo cho nhau tìm cách giải quyết. Trường hợp có tranh chấp về hợp đồng thì Ủy ban nhân bản xã có trách nhiệm phối hợp với các đoàn thể địa phương cùng cấp và Hiệp hội ngành hàng tổ chức và tạo điều kiện để hai bên thương lượng, hòa giải. Trường hợp có tranh chấp về chất lượng hàng hóa, hai bên mời cơ quan giám định có thẩm quyền tới giám định, kết luận của cơ quan giám định là kết luận cuối cùng.

2. Trường hợp việc thương lượng, hòa giải không đạt được kết quả thì các bên đưa vụ tranh chấp ra trọng tài hoặc tòa kinh tế để giải quyết theo pháp luật.

Điều 11: Các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu cần)

.....

(Áp dụng các hình thức: Cầm cố tài sản; Thế chấp tài sản; Đặt cọc; Ký cược; Ký quỹ; Bảo lưu quyền sở hữu; Bảo lãnh; Tín chấp; Cầm giữ tài sản.

Lưu ý: Chỉ ghi ngắn gọn cách thức, tên vật bảo đảm và phải lập biên bản riêng và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật có liên quan).

Điều 12: Các thỏa thuận khác (nếu cần)

Các điều kiện và điều khoản khác không ghi trong này sẽ được các bên thực hiện theo quy định hiện hành của các văn bản pháp luật về loại hợp đồng này.

Điều 13: Hiệu lực của hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm

Hợp đồng được xem như được thanh lý sau 15 ngày hai bên hoàn tất nghĩa vụ giao nhận – thanh toán và không có khiếu nại gì bằng văn bản;

Hợp đồng này được làm thành..... bản, có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Chức vụ, ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Chức vụ, ký tên, đóng dấu)

Mẫu 2: Hợp đồng phát triển chuỗi giá trị (Hợp đồng sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG PHÁT TRIỂN CHUỖI GIÁ TRỊ SẢN PHẨM

Số:/...../HD

Hôm nay, ngày tháng năm, Tại

Chúng tôi gồm có:

BÊN MUA (Bên A)

Tên DN/HTX/Cá nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Tài khoản số:

Mở tại ngân hàng:

Đại diện là (DN/HTX):

Chức vụ:

Giấy ủy quyền (nếu thay giám đốc ký) số: ngày tháng năm

Do chức vụ ký.

BÊN BÁN (Bên B)

Tên DN/HTX/Cá nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Tài khoản số:

Mở tại ngân hàng:

Đại diện là (DN/HTX):

Chức vụ:

Giấy ủy quyền (nếu thay giám đốc ký) số: ngày tháng năm

Do chức vụ ký.

Hai bên thống nhất thỏa thuận nội dung hợp đồng như sau:

Điều 1: Nội dung công việc giao dịch

1. Bên B bán cho bên A:

STT	Tên hàng	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1						
2						
Cộng						
Tổng giá trị bằng chữ:						

2. Bên A bán cho bên B (nếu có):

STT	Tên hàng	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1						
2						
Cộng						
Tổng giá trị bằng chữ:						

3. Bên A hợp tác với Bên B: kiểm soát việc tuân thủ kế hoạch, quy trình kỹ thuật từ khâu sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Bên A cử cán bộ kỹ thuật đến nơi sản xuất của bên B lần/ tuần để theo dõi quá trình sản xuất, kiểm tra việc tuân thủ các quy trình kỹ thuật, vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên. Khi có vấn đề phát sinh, Cán bộ kỹ thuật này lập biên bản và kịp thời báo cáo hai bên để tìm biện pháp giải quyết.

- Chi phí cho cán bộ kỹ thuật của bên A do.....chịu

Điều 2: Giá cả

1 Đơn giá mặt hàng của Bên A là giá theo văn bản (nếu có) của

2 Đơn giá mặt hàng của Bên B là giá theo văn bản (nếu có) của

Điều 3: Chất lượng và quy cách hàng hóa

1. Chất lượng mặt hàng được quy định theo

Điều 4: Bao bì và ký mã hiệu

1. Bao bì làm bằng:

2. Quy cách bao bì cỡ kích thước

3. Cách đóng gói:

4. Trọng lượng cả bì:

5. Trọng lượng tịnh:

Điều 5: Phương thức giao nhận

1. Bên B giao cho bên A theo lịch sau:

STT	Tên hàng	Đơn vị	Số lượng	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1						
2						

2. Bên A giao cho bên B theo lịch sau (nếu có):

STT	Tên hàng	Đơn vị	Số lượng	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1						
2						

3. Phương tiện vận chuyển và chi phí vận chuyển do bên chịu.

Chi phí bốc xếp (mỗi bên chịu một đầu hoặc)

4. Quy định lịch giao nhận hàng hóa mà bên mua không đến nhận hàng thì phải chịu chi phí lưu kho bãi là đồng/ngày. Nếu phương tiện vận chuyển bên mua đến mà bên bán không có hàng giao thì bên bán phải chịu chi phí thực tế cho việc điều động phương tiện.

5. Khi nhận hàng, bên mua có trách nhiệm kiểm nhận phẩm chất, quy cách hàng hóa tại chỗ. Nếu phát hiện hàng thiếu hoặc không đúng tiêu chuẩn chất lượng v.v... thì lập biên bản tại chỗ, yêu cầu bên bán xác nhận. Hàng đã ra khỏi kho bên bán không chịu trách nhiệm (trừ loại hàng có quy định thời hạn bảo hành).

Điều 6: Phương thức thanh toán

1. Bên A thanh toán cho bên B bằng hình thức trong thời gian

2. Bên B thanh toán cho bên A bằng hình thức trong thời gian

Điều 7: Ngưng thanh toán tiền mua hàng

Việc ngưng thanh toán tiền mua hàng được quy định như sau:

1. Bên A có bằng chứng về việc bên B lừa dối thì có quyền tạm ngưng việc thanh toán cho đến khi việc tranh chấp đã được giải quyết;

2. Bên A có bằng chứng về việc bên B đã giao hàng không phù hợp với hợp đồng thì có quyền tạm ngưng thanh toán cho đến khi bên B đã khắc phục sự không phù hợp đó;

3. Trường hợp tạm ngưng thanh toán theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này mà bằng chứng do bên A đưa ra không xác thực, gây thiệt hại cho bên B thì bên A phải bồi thường thiệt hại đó và chịu các chế tài khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Về chia sẻ rủi ro bất khả kháng và biến động giá cả thị trường.

1. Trường hợp phát hiện hoặc có dấu hiệu bất khả kháng thì mỗi bên phải thông báo kịp thời cho nhau để cùng bàn cách khắc phục và khẩn trương cố gắng phòng tránh, khắc phục hậu quả của bất khả kháng. Khi bất khả kháng xảy ra, hai bên phải tiến hành theo đúng các thủ tục quy định của pháp luật lập biên bản về tổn thất của hai bên, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã (huyện) nơi xảy ra bất khả kháng để được miễn trách nhiệm khi thanh lý hợp đồng.

- Ngoài ra, Bên A còn có thể thỏa thuận miễn giảm.....% giá trị vật tư, tiền vốn ứng trước cho Bên B theo sự thỏa thuận của hai bên.

2. Trường hợp giá cả thị trường có đột biến gây thua thiệt quá khả năng tài chính của Bên A thì hai bên bàn bạc để Bên B điều chỉnh giá bán nông sản hàng hóa cho Bên A so với giá đã ký tại Điều 1 của hợp đồng này.

- Ngược lại, nếu giá cả thị trường tăng có lợi cho Bên A thì hai bên bàn bạc để Bên A tăng giá mua nông sản cho Bên B.

Điều 9. Nghĩa vụ của các bên

1. Nghĩa vụ của Bên B

- Tổ chức sản xuất theo quy trình đã được hướng dẫn của ... từ sản xuất, sử dụng hóa chất, thuốc trừ sâu bệnh, vệ sinh an toàn cho người sản xuất và cho cộng đồng và các chỉ tiêu khác của ...

- Sản phẩm phải đảm bảo các chỉ tiêu về độ sạch, ẩm độ và các tiêu chuẩn khác đúng như tiêu chuẩn đã đăng ký (gọi tắt là sản phẩm đạt chất lượng đăng ký).

- Cam kết cung ứng sản phẩm đạt chất lượng đăng ký cho Bên A.

- Các sản phẩm không đạt chất lượng đăng ký Bên B tự chịu trách nhiệm.

- Thỏa thuận và tổ chức sản xuất với chủng loại giống đáp ứng yêu cầu của bên A.

2. Nghĩa vụ của Bên A

- Bên A thu mua toàn bộ sản phẩm đạt chất lượng đăng ký ... do Bên B sản xuất.

- Bảo đảm giá thu mua sản phẩm đạt chất lượng đăng ký bằng lần giá sản phẩm cùng loại trên thị trường vào thời điểm thu mua.

- Cử cán bộ kỹ thuật giám sát việc tuân thủ kế hoạch, quy trình kỹ thuật từ khâu sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến đáp ứng nhu cầu thị trường.

Điều 10. Trách nhiệm vật chất của các bên trong việc thực hiện hợp đồng

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng, bên nào không thực hiện đúng, thực hiện không đầy đủ hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì bị phạt bồi thường thiệt hại vật chất.

- Mức phạt vi phạm hợp đồng về số lượng, chất lượng, giá cả, thời gian, địa điểm và phương thức thanh toán do hai bên thỏa thuận ghi vào hợp đồng.

+ Mức phạt về không đủ số lượng: (.....% giá trị hoặc..... đồng/đơn vị)

+ Mức phạt về không đảm bảo chất lượng:.....

+ Mức phạt về không đảm bảo thời gian.....

+ Mức phạt về sai phạm địa điểm.....

+ Mức phạt về thanh toán chậm.....

Bên A có quyền từ chối nhận hàng nếu chất lượng hàng hoá không phù hợp với quy định của hợp đồng.

Điều 11. Giải quyết tranh chấp hợp đồng

1. Hai bên phải chủ động thông báo cho nhau về tiến độ thực hiện hợp đồng. Những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng có nguy cơ dẫn tới không đảm bảo tốt cho việc thực hiện hợp đồng, các bên phải kịp thời thông báo cho nhau tìm cách giải quyết. Trường hợp có tranh chấp về hợp đồng thì Ủy ban nhân bản xã có trách nhiệm phối hợp với các đoàn thể địa phương cùng cấp và Hiệp hội ngành hàng tổ chức và tạo điều kiện để hai bên thương lượng, hòa giải. Trường hợp có tranh chấp về chất lượng hàng hóa, hai bên mời cơ quan giám định có thẩm quyền tới giám định, kết luận của cơ quan giám định là kết luận cuối cùng.

2. Trường hợp việc thương lượng, hòa giải không đạt được kết quả thì các bên đưa vụ tranh chấp ra trọng tài hoặc tòa kinh tế để giải quyết theo pháp luật.

Điều 12: Các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu cần)

.....

(Áp dụng các hình thức: Cầm cố tài sản; Thế chấp tài sản; Đặt cọc; Ký cược; Ký quỹ; Bảo lưu quyền sở hữu; Bảo lãnh; Tín chấp; Cầm giữ tài sản.)

Điều 13: Các thỏa thuận khác (nếu cần)

Các điều kiện và điều khoản khác không ghi trong này sẽ được các bên thực hiện theo quy định hiện hành của các văn bản pháp luật về loại hợp đồng này.

Điều 14: Hiệu lực của hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ... thángnăm ... đến ngày tháng năm...

Hợp đồng được xem như được thanh lý sau 15 ngày hai bên hoàn tất nghĩa vụ giao nhận – thanh toán và không có khiếu nại gì bằng văn bản;

Hợp đồng này được làm thành..... bản, có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Chức vụ, ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Chức vụ, ký tên, đóng dấu)

Mẫu 3: Hợp đồng Đầu tư gắn với phát triển chuỗi giá trị (Hợp đồng đầu tư-sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG ĐẦU TƯ, PHÁT TRIỂN CHUỖI GIÁ TRỊ SẢN PHẨM

Số:/...../HD

Hôm nay, ngày tháng năm, Tại

Chúng tôi gồm có:

BÊN MUA (Bên A)

Tên DN/HTX/Cá nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Tài khoản số:

Mở tại ngân hàng:

Đại diện là:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền (nếu thay giám đốc ký) số: ngày tháng năm

Do chức vụ ký.

BÊN BÁN (Bên B)

Tên DN/HTX/Cá nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Tài khoản số:

Mở tại ngân hàng:

Đại diện là:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền (nếu thay giám đốc ký) số: ngày tháng năm

Do chức vụ ký.

Hiệp hội ngành hàng/ tổ chức khoa học và công nghệ (Bên C)

Tên:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Tài khoản số:

Mở tại ngân hàng:

Đại diện là:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền (nếu thay giám đốc ký) số: ngày tháng năm

Do chức vụ ký.

Hai bên thống nhất thỏa thuận nội dung hợp đồng như sau:

Điều 1: Nội dung công việc

1. Bên B bán cho bên A:

STT	Tên hàng	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1						
2						
Cộng						
Tổng giá trị bằng chữ:						

2. Bên A bán cho bên B (nếu có):

STT	Tên hàng	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1						
2						
Cộng						
Tổng giá trị bằng chữ:						

3. Bên A hợp tác với Bên B: kiểm soát việc tuân thủ kế hoạch, quy trình kỹ thuật từ khâu sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Bên A cử cán bộ kỹ thuật đến nơi sản xuất của bên B lần/ tuần để theo dõi quá trình sản xuất, kiểm tra việc tuân thủ các quy trình kỹ thuật, vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên. Khi có vấn đề phát sinh, Cán bộ kỹ thuật này lập biên bản và kịp thời báo cáo hai bên để tìm biện pháp giải quyết.

- Chi phí cho cán bộ kỹ thuật của bên A do.....chịu

4. Bên A hợp tác với bên B, C để triển khai những công việc sau (nếu có)

- Quy hoạch, cải tạo đồng ruộng hay vùng sản xuất hàng hóa tập trung;
- Đầu tư xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, thu hoạch, chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;
- Góp vốn, tài sản, giá trị đất công nghệ hay quy trình sản xuất;
- Cung cấp, cho vay hoặc ứng trước giống, vốn, vật tư đầu vào phục vụ sản xuất;
- Đào tạo, trình diễn và chuyển giao khoa học, công nghệ phục vụ sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;
- Đăng ký chất lượng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm;
- Xây dựng thương hiệu, quảng bá và xúc tiến thương mại đối với sản phẩm nông nghiệp;

5. Bên C hợp tác với bên A, B để triển khai những công việc sau (nếu có)

- a) Chuẩn hóa quy trình kỹ thuật sản xuất, chất lượng sản phẩm;
- b) Truyền thông, phát triển thị trường, phát triển thương hiệu, uy tín của sản phẩm;
- c) Thiết lập và thực hiện qui tắc ứng xử nội bộ; cung cấp dịch vụ;
- d) Bảo vệ sản xuất, quyền lợi cho các thành viên và các bên tham gia liên kết;
- e) Ứng phó với khủng hoảng thị trường, biến đổi khí hậu;
- f) Bảo vệ tài nguyên, môi trường;
- g) Nghiên cứu và phát triển.

Điều 2: Dự án đầu tư

- 1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng này, để triển khai các hoạt động cụ thể quy định tại khoản 4, 5 Điều 1, các bên thống nhất xây dựng dự án đầu tư để triển khai.
- 2. Các bên thống nhất chọn bên làm chủ đầu tư dự án và làm các thủ tục với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hưởng các ưu đãi của nhà nước theo quy định của pháp luật về Đầu tư.
- 3. Chi phí xây dựng, triển khai dự án do Bên.....đóng góp.
- 4. Thời gian thực hiện dự án từ.....đến.....
- 5. Tỷ lệ phân chia lợi ích từ chính sách hỗ trợ của nhà nước được các bên thỏa thuận như sau.....
- 6. Các thỏa thuận khác về việc lập và triển khai dự án (nếu có)

Điều 3: Giá cả

- 1 Đơn giá mặt hàng của Bên A là giá theo văn bản(nếu có) của
- 2 Đơn giá mặt hàng của Bên B là giá theo văn bản (nếu có) của

Điều 4: Chất lượng và quy cách hàng hóa

- 1. Chất lượng mặt hàng được quy định theo

Điều 5: Bao bì và ký mã hiệu

- 1. Bao bì làm bằng:
- 2. Quy cách bao bì cỡ kích thước
- 3. Cách đóng gói:
- 4. Trọng lượng cả bì:
- 5. Trọng lượng tịnh:

Điều 5: Phương thức giao nhận

1. Bên B giao cho bên A theo lịch sau:

STT	Tên hàng	Đơn vị	Số lượng	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1						
2						

2. Bên A giao cho bên B theo lịch sau (nếu có):

STT	Tên hàng	Đơn vị	Số lượng	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1						
2						

3. Phương tiện vận chuyển và chi phí vận chuyển do bên chịu.

Chi phí bốc xếp (mỗi bên chịu một đầu hoặc)

4. Quy định lịch giao nhận hàng hóa mà bên mua không đến nhận hàng thì phải chịu chi phí lưu kho bãi là đồng/ngày. Nếu phương tiện vận chuyển bên mua đến mà bên bán không có hàng giao thì bên bán phải chịu chi phí thực tế cho việc điều động phương tiện.

5. Khi nhận hàng, bên mua có trách nhiệm kiểm nhận phẩm chất, quy cách hàng hóa tại chỗ. Nếu phát hiện hàng thiếu hoặc không đúng tiêu chuẩn chất lượng v.v... thì lập biên bản tại chỗ, yêu cầu bên bán xác nhận. Hàng đã ra khỏi kho bên bán không chịu trách nhiệm (trừ loại hàng có quy định thời hạn bảo hành).

Điều 6: Phương thức thanh toán

1. Bên A thanh toán cho bên B bằng hình thức trong thời gian

2. Bên B thanh toán cho bên A bằng hình thức trong thời gian

Điều 7: Ngưng thanh toán tiền mua hàng

Việc ngưng thanh toán tiền mua hàng được quy định như sau:

1. Bên A có bằng chứng về việc bên B lừa dối thì có quyền tạm ngưng việc thanh toán cho đến khi việc tranh chấp đã được giải quyết;

2. Bên A có bằng chứng về việc bên B đã giao hàng không phù hợp với hợp đồng thì có quyền tạm ngưng thanh toán cho đến khi bên B đã khắc phục sự không phù hợp đó;

3. Trường hợp tạm ngưng thanh toán theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này mà bằng chứng do bên A đưa ra không xác thực, gây thiệt hại cho bên B thì bên A phải bồi thường thiệt hại đó và chịu các chế tài khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Về chia sẻ rủi ro bất khả kháng và biến động giá cả thị trường.

1. Trường hợp phát hiện hoặc có dấu hiệu bất khả kháng thì mỗi bên phải thông báo kịp thời cho nhau để cùng bàn cách khắc phục và khẩn trương cố gắng phòng tránh, khắc phục hậu quả của bất khả kháng. Khi bất khả kháng xảy ra, hai bên phải tiến hành theo đúng các thủ tục quy định của pháp luật lập biên bản về tổn thất của hai bên, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã (huyện) nơi xảy ra bất khả kháng để được miễn trách nhiệm khi thanh lý hợp đồng.

- Ngoài ra, Bên A còn có thể thỏa thuận miễn giảm.....% giá trị vật tư, tiền vốn ứng trước cho Bên B theo sự thỏa thuận của hai bên.

2. Trường hợp giá cả thị trường có đột biến gây thua thiệt quá khả năng tài chính của Bên A thì hai bên bàn bạc để Bên B điều chỉnh giá bán nông sản hàng hóa cho Bên A so với giá đã ký tại Điều 1 của hợp đồng này.

- Ngược lại, nếu giá cả thị trường tăng có lợi cho Bên A thì hai bên bàn bạc để Bên A tăng giá mua nông sản cho Bên B.

Điều 9. Nghĩa vụ của các bên

1. Nghĩa vụ của Bên B

- Tổ chức sản xuất theo quy trình đã được hướng dẫn của ... từ sản xuất, sử dụng hóa chất, thuốc trừ sâu bệnh, vệ sinh an toàn cho người sản xuất và cho cộng đồng và các chỉ tiêu khác của

- Sản phẩm phải đảm bảo các chỉ tiêu về độ sạch, ẩm độ và các tiêu chuẩn khác đúng như tiêu chuẩn đã đăng ký (gọi tắt là sản phẩm đạt chất lượng đăng ký).

- Cam kết cung ứng sản phẩm đạt chất lượng đăng ký cho Bên A.

- Các sản phẩm không đạt chất lượng đăng ký Bên B tự chịu trách nhiệm.

- Thỏa thuận và tổ chức sản xuất với chủng loại giống đáp ứng theo yêu cầu của Bên A.

- Phối hợp chặt chẽ với các bên để triển khai Dự án đầu tư (nếu có) theo đúng thỏa thuận, đảm bảo thời gian, tiến độ, chất lượng công việc

2. Nghĩa vụ của Bên A

- Bên A thu mua toàn bộ sản phẩm đạt chất lượng đăng ký ... do Bên B sản xuất.

- Bảo đảm giá thu mua sản phẩm đạt chất lượng đăng ký bằng lần giá sản phẩm cùng loại trên thị trường vào thời điểm thu mua.

- Cử cán bộ kỹ thuật giám sát việc tuân thủ kế hoạch, quy trình kỹ thuật từ khâu sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Phối hợp chặt chẽ với các bên để triển khai Dự án đầu tư (nếu có) theo đúng thỏa thuận, đảm bảo thời gian, tiến độ, chất lượng công việc

3. Nghĩa vụ của Bên C

- Thực hiện đúng và đầy đủ các công việc đã thỏa thuận;

- Kết nối các bên với Ban ngành liên qua để triển khai dự án đầu tư và hưởng hỗ trợ từ các chính sách của nhà nước.
- Phối hợp với bên A, B thương thảo, giải quyết những khó khăn phát sinh trong quá trình triển khai các hoạt động của dự án;
- Tham gia với chính quyền địa phương hòa giải khi có tranh chấp trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Điều 10. Trách nhiệm vật chất của các bên trong việc thực hiện hợp đồng

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng, bên nào không thực hiện đúng, thực hiện không đầy đủ hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì bị phạt bồi thường thiệt hại vật chất.
- Mức phạt vi phạm hợp đồng về số lượng, chất lượng, giá cả, thời gian, địa điểm và phương thức thanh toán do hai bên thỏa thuận ghi vào hợp đồng.
- + Mức phạt về không đủ số lượng: (.....% giá trị hoặc..... đồng/đơn vị)
- + Mức phạt về không đảm bảo chất lượng:.....
- + Mức phạt về không đảm bảo thời gian.....
- + Mức phạt về sai phạm địa điểm.....
- + Mức phạt về thanh toán chậm.....

Bên A có quyền từ chối nhận hàng nếu chất lượng hàng hoá không phù hợp với quy định của hợp đồng.

Điều 11. Giải quyết tranh chấp hợp đồng

1. Hai bên phải chủ động thông báo cho nhau về tiến độ thực hiện hợp đồng. Những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng có nguy cơ dẫn tới không đảm bảo tốt cho việc thực hiện hợp đồng, các bên phải kịp thời thông báo cho nhau tìm cách giải quyết. Trường hợp có tranh chấp về hợp đồng thì Ủy ban nhân bản xã có trách nhiệm phối hợp với các đoàn thể địa phương cùng cấp và Hiệp hội ngành hàng tổ chức và tạo điều kiện để hai bên thương lượng, hòa giải. Trường hợp có tranh chấp về chất lượng hàng hóa, hai bên mời cơ quan giám định có thẩm quyền tới giám định, kết luận của cơ quan giám định là kết luận cuối cùng.
2. Trường hợp việc thương lượng, hòa giải không đạt được kết quả thì các bên đưa vụ tranh chấp ra trọng tài hoặc tòa kinh tế để giải quyết theo pháp luật.

Điều 12: Các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu cần)

.....

(Áp dụng các hình thức: Cầm cố tài sản; Thế chấp tài sản; Đặt cọc; Ký cược; Ký quỹ; Bảo lưu quyền sở hữu; Bảo lãnh; Tín chấp; Cầm giữ tài sản).

Điều 13: Các thỏa thuận khác (nếu cần)

Các điều kiện và điều khoản khác không ghi trong này sẽ được các bên thực hiện theo quy định hiện hành của các văn bản pháp luật về loại hợp đồng này.

Điều 14: Hiệu lực của hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm

Hợp đồng được xem như được thanh lý sau 15 ngày hai bên hoàn tất nghĩa vụ giao nhận – thanh toán và không có khiếu nại gì bằng văn bản;

Hợp đồng này được làm thành..... bản, có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Chức vụ, ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Chức vụ, ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 4. Biểu mẫu kế hoạch triển khai thực hiện mô hình liên kết

KẾ HOẠCH LIÊN KẾT VÀ TRIỂN KHAI MÔ HÌNH LIÊN KẾT SẢN XUẤT CÀ PHÊ CHẤT LƯỢNG CAO TẠI ...

Đơn vị chủ trì:

Đơn vị phối hợp:

- Doanh nghiệp...
- Hợp tác xã...

1. Mục tiêu

Mục tiêu chung: Xây dựng mô hình liên kết chuỗi giá trị trong sản xuất và thương mại cà phê với chất lượng cao tại...

Mục tiêu cụ thể: Xây dựng được mô hình liên kết nhằm:

- Nâng cao năng lực quản lý, tổ chức, liên kết cho HTX;
- Tập huấn quy trình kỹ thuật sản xuất, thu hái, sơ chế và bảo quản cà phê để nâng cao chất lượng, độ đồng đều và ổn định cho nông dân;
- Kết nối doanh nghiệp với HTX và người dân, hỗ trợ các hoạt động ký kết và giám sát thực hiện các cam kết trong các thỏa thuận liên kết hộ trồng cà phê-hợp tác xã-doanh nghiệp;
- Hỗ trợ hộ trồng cà phê áp dụng quy trình kỹ thuật (hỗ trợ một phần chi phí phân bón, hộ trồng đối ứng bằng công lao động tăng thêm) để đạt cà phê chất lượng cao cho hộ dân cho một vụ thí điểm;
- Tư vấn cho doanh nghiệp về kỹ thuật chế biến, xúc tiến thương mại cho sản phẩm cà phê với chất lượng cao.

Đối với hộ nông dân:

- Hiểu biết và có thể áp dụng các kỹ thuật sản xuất, sơ chế, chế biến cà phê với chất lượng cao.
- Nâng cao tỷ lệ sản phẩm cà phê có chất lượng cao trong cơ cấu sản phẩm.
- Tham gia được vào chuỗi liên kết bền vững, giá trị cao nhằm nâng cao thu nhập từ cà phê, giảm thiểu rủi ro thị trường.

Đối với Hợp tác xã (HTX):

- Thiết lập được cơ chế vận hành của HTX trong sản xuất, sơ chế, chế biến và thương mại sản phẩm (tổ chức sản xuất, chia sẻ kiến thức, giám sát chất lượng...).

- Đại diện cho các thành viên trong các hoạt động đàm phán, ký kết hợp đồng với doanh nghiệp trong triển khai các hoạt động của mô hình.
- Tổ chức, giám sát được hoạt động sản xuất và chế biến cà phê chất lượng cao của các hộ thành viên
- Nhân rộng được mô hình các nhóm sản xuất cà phê chất lượng cao ra cộng đồng.

Đối với cộng đồng:

- Hình thành được ý thức sản xuất cà phê chất lượng cao trong cộng đồng.
- Tạo dựng được uy tín, danh tiếng cho cộng đồng về sản xuất cà phê sạch, cà phê chất lượng cao.

Đối với chính quyền địa phương:

- Nâng cao vai trò của địa phương trong việc tạo điều kiện và thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp và hộ nông dân sản xuất cà phê.
- Tăng cường vai trò giám sát của chính quyền địa phương trong sản xuất, sơ chế, chế biến cà phê.

Đối với doanh nghiệp:

- Hình thành và củng cố được vùng nguyên liệu cà phê có chất lượng cao và ổn định cho doanh nghiệp chế biến.
- Nâng cao chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp, từ đó nâng cao giá trị sản phẩm, mở rộng khả năng thâm nhập thị trường mới, cải thiện khả năng cạnh tranh.
- Nâng cao năng lực chế biến sản phẩm cà phê chất lượng cao, cải thiện vị thế của doanh nghiệp trên thị trường.

2. Quy mô của mô hình

- Địa bàn triển khai: xã ..., huyện ..., tỉnh
- Tổng diện tích mô hình: ... ha.
- Tổng số hộ tham gia: ... hộ (có danh sách hộ kèm theo)

3. Thời gian triển khai

Từ tháng .../... - .../....

4. Đối tác triển khai

- Doanh nghiệp:
- Chính quyền địa phương:
- Hợp tác xã...

- Các hộ nông dân trồng cà phê...

5. Phương án hỗ trợ

5.1 Các hoạt động hỗ trợ liên kết chuỗi

- Củng cố hoạt động của HTX; Tư vấn, hỗ trợ các thành viên HTX trong tổ chức sản xuất; đồng thời giám sát chất lượng và quy cách sản phẩm cho HTX.
- Hướng dẫn, giám sát việc áp dụng kỹ thuật được tập huấn của các hộ trồng cà phê.
- Kết nối với chính quyền địa phương và các tổ chức, cơ quan khác có liên quan nhằm thúc đẩy, hỗ trợ và đảm bảo thực hiện tốt mô hình liên kết.
- Hỗ trợ giám sát thực hiện hợp đồng tiêu thụ sản phẩm giữa doanh nghiệp với HTX/tổ nhóm và nông dân.

5.2 Các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp:

- Tư vấn thiết kế bao bì, nhãn mác và hỗ trợ in ấn bao bì.
- Tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật nâng cao chất lượng cà phê nhân/rang xay và tiến hành hoạt động giám sát chất lượng sản phẩm: Chuyên gia chế biến cà phê tư vấn cho doanh nghiệp về mặt kỹ thuật chế biến để nâng cao được chất lượng sản phẩm, đồng thời hỗ trợ giám sát chất lượng sản phẩm từ sản xuất đến chế biến.
- Hướng dẫn, hỗ trợ xây dựng hồ sơ đăng ký sử dụng nhãn hiệu chứng nhận cà phê Việt Nam chất lượng cao.
- Lấy mẫu và phân tích thử nếm cà phê tách cho từng lô hàng của công ty.
- Tiến hành các hoạt động quảng bá, phát triển thị trường đối với cà phê chất lượng cao của mô hình: (i) Thông tin về nguồn gốc, chất lượng sản phẩm trên các trang web của chương trình, của Ban điều phối ngành hàng cà phê Việt Nam, của các trang tin nông nghiệp điện tử; (ii) Đưa tin, bài về các sản phẩm cà phê, sự hình thành và phát triển trên truyền hình và các tờ báo lớn có độ phủ rộng cả nước; (iii) Phối hợp với Công ty xây dựng gian hàng chuẩn, hỗ trợ Công ty tham gia vào lễ hội/hội chợ cà phê.

5.3 Các hoạt động hỗ trợ nông dân

- Hỗ trợ phân bón cho hộ sản xuất:
 - o Loại phân bón hỗ trợ: được chọn dựa trên tham vấn với nhà cung cấp phân bón, Công ty và các hộ nông dân
 - o Định mức hỗ trợ: ... đ/ha. Tổng diện tích hỗ trợ: ... ha.
 - o Hình thức hỗ trợ: hỗ trợ trực tiếp bằng phân bón, không hỗ trợ bằng tiền.

- Diện tích hỗ trợ cho từng hộ: dựa trên diện tích tham gia mô hình của hộ.
- Thời gian bón phân được hỗ trợ: tháng ...năm...
- Tổ chức tập huấn cho hộ nông dân sản xuất
 - Nội dung tập huấn: đào tạo về kỹ thuật thu hái, sơ chế, bảo quản để nâng cao chất lượng cà phê.
 - Thành phần tham gia: các hộ nông dân tham gia vào mô hình, Công ty
 - Giảng viên: ...
 - Thời gian: Tháng ... năm...

5.4 Các hoạt động hỗ trợ HTX

- Hỗ trợ HTX thúc đẩy giao thương, giới thiệu đối tác để xúc tiến thương mại tìm đầu ra ổn định phù hợp với chất lượng giá trị của cà phê chất lượng cao.
- Hỗ trợ HTX trong tổ chức quản lý, vận hành và tổ chức sản xuất cà phê chất lượng cao

6. Kế hoạch triển khai

#	Hoạt động	Thời gian thực hiện	Thành phần tham gia
I	Tăng cường năng lực nông dân		
1.1	Thông qua kế hoạch hoạt động của dự án với hộ, địa phương và xây dựng kế hoạch liên kết	Tháng ...năm...	Hộ nông dân được lựa chọn Ban quản trị HTX
1.2	Tổ chức tập huấn đào tạo về kỹ thuật sản xuất, thu hái, sơ chế, bảo quản để nâng cao chất lượng cà phê	Tháng ...năm...	Chính quyền địa phương Doanh nghiệp
1.3	Lựa chọn phân bón, mua và phát phân bón	Tháng ...năm...	Hộ nông dân được lựa chọn Ban quản trị HTX Doanh nghiệp Đơn vị cung cấp phân bón
1.4	Hướng dẫn, giám sát hộ trồng cà phê trong mô hình áp dụng kỹ thuật được tập huấn	Tháng ...năm...	HTX và hộ dân thành viên được lựa chọn Doanh nghiệp Chính quyền địa phương
II	Tăng cường năng lực các tổ chức nông dân		
2.1	Tư vấn, hỗ trợ HTX/tổ nhóm nông dân mô hình tổ chức sản xuất; hệ thống	Tháng ...năm...	HTX/TCND Doanh nghiệp

#	Hoạt động	Thời gian thực hiện	Thành phần tham gia
	giám sát chất lượng, quy cách sản phẩm cho HTX/tổ nhóm nông dân		Chính quyền địa phương Chuyên gia tư vấn
2.2	Nâng cao năng lực quản lý cho lãnh đạo HTX/tổ nhóm nông dân	Tháng ...năm...	
2.3	Xây dựng hợp đồng và tổ chức ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm giữa doanh nghiệp với HTX	Tháng ...năm...	HTX và hộ dân thành viên được lựa chọn Doanh nghiệp Chính quyền địa phương
III	Tăng cường năng lực của doanh nghiệp trong phát triển liên kết và chế biến, thương mại cà phê chất lượng cao		
3.1	Tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp nâng cao chất lượng cà phê nhân/rang xay và tiến hành hoạt động giám sát chất lượng sản phẩm	Tháng ...năm...	Doanh nghiệp Chuyên gia tư vấn
3.2	Xây dựng hợp đồng và tổ chức ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm giữa doanh nghiệp với HTX	Tháng ...năm...	HTX và hộ dân thành viên được lựa chọn Doanh nghiệp Chính quyền địa phương
3.3	Hỗ trợ giám sát thực hiện hợp đồng tiêu thụ sản phẩm giữa doanh nghiệp với HTX và nông dân	Tháng ...năm...	HTX và hộ dân thành viên được lựa chọn Doanh nghiệp Chính quyền địa phương Chuyên gia tư vấn
3.4	Hỗ trợ công ty trong các hoạt động xúc tiến thương mại	Tháng ...năm...	Doanh nghiệp Chuyên gia tư vấn

Phụ lục 5. Mẫu khung báo cáo giám sát thực hiện mô hình

KHUNG BÁO CÁO GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG GIỮA HỢP TÁC XÃ VỚI DOANH NGHIỆP TRONG MÔ HÌNH LIÊN KẾT

I. GIỚI THIỆU

1. Mục đích

Báo cáo giám sát nhằm mục tiêu ghi lại các hoạt động sản xuất cà phê chính của các hộ sản xuất cà phê, của hợp tác xã (HTX) tham gia trong mô hình nhằm đảm bảo các hoạt động áp dụng kỹ thuật sản xuất, các hoạt động liên kết giữa HTX với hộ dân, giữa HTX với doanh nghiệp theo các cam kết, hỗ trợ đảm bảo duy trì các hoạt động tại địa bàn sản xuất theo kế hoạch đã đề ra đồng thời có những đề xuất điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế

2. Thời gian, phương pháp

Thời gian: Giám sát được tiến hành thường xuyên từ tháng ... đến tháng ...

Phương pháp: Liên hệ trực tiếp với nông dân, doanh nghiệp, HTX để yêu cầu cung cấp thông tin theo các biểu mẫu; Tham vấn cán bộ địa phương về các hoạt động của mô hình; Tham khảo các báo cáo sẵn có về chu kỳ sản xuất và thời tiết, bệnh dịch.

II. NỘI DUNG GIÁM SÁT

1. Các hoạt động hỗ trợ tập huấn nâng cao năng lực

- Hộ nông dân
- HTX/THT/nhóm nông dân
- Doanh nghiệp

2. Tình hình thực hiện các cam kết trong hợp đồng liên kết sản xuất

- Đối với nông dân: quá trình tham gia nâng cao năng lực, thực tế áp dụng, tuân thủ quy trình kỹ thuật, thực hành sản xuất theo tiêu chuẩn cà phê chất lượng cao được đào tạo; Kết quả sản xuất cà phê của hộ: sản lượng, năng suất, và chất lượng cà phê.
- Đối với tổ chức nông dân: giám sát vai trò, trách nhiệm của TCND trong triển khai mô hình như vận động, giám sát các hộ tham gia, áp dụng các tiêu chuẩn đã được tập huấn, tham gia là trung gian trong ký kết hợp đồng liên kết, bảo vệ lợi ích hợp pháp cho các thành viên của mình.
- Đối với doanh nghiệp: giám sát các nội dung doanh nghiệp đã cam kết trong hợp đồng liên kết như: hỗ trợ tăng cường năng lực cho hộ dân; khuyến cáo về kỹ thuật canh tác, chế biến; cam kết thu mua sản phẩm cà phê chất lượng cao;

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT

1. Tình hình chung có ảnh hưởng đến sản xuất cà phê trong kỳ giám sát

- Điều kiện khí hậu, tự nhiên và các yếu tố khác ảnh hưởng tới sản xuất cà phê
- Tình hình dịch bệnh đối với cây cà phê trong kỳ báo cáo
- Chu kỳ sinh trưởng của cây cà phê trong kỳ báo cáo

2. Tình hình áp dụng kỹ thuật của hộ sản xuất cà phê trong kỳ báo cáo

3. Vai trò HTX trong kỳ báo cáo

4. Vai trò của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo

5. Hoạt động liên kết khác trong kỳ báo cáo

IV. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Khó khăn, vướng mắc trong kỳ báo cáo

2. Đề xuất, kiến nghị

Chịu trách nhiệm về nội dung:

Trần Thị Thanh Nhân

Chủ trì đề tài Nghiên cứu xây dựng mô hình liên kết chuỗi giá trị trong sản xuất và thương mại cà phê Việt Nam chất lượng cao

Biên tập và trình bày:

Bộ môn nghiên cứu Thị trường Ngành Hàng

Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển nông nghiệp nông thôn